

A - Mục tiêu cần đạt :Giúp HS

- Hiểu được cuộc sống cơ cực, tối tăm của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao dưới ách áp bức, kìm kẹp của thực dân và chúa đất thống trị; quá trình người dân các dân tộc thiểu số thức tỉnh cách mạng và vùng lên tự giải phóng đời mình. Đi theo tiếng gọi của Đảng.

- Nắm được những đóng góp riêng của nhà văn trong nghệ thuật khắc họa tính cách các nhân vật; sự tinh tế trong diễn tả cuộc sống nội tâm; sở trường của nhà văn trong quan sát những nét lạ về phong tục, tập quán và cá tính người Mông; nghệ thuật trần thuật linh hoạt, lời văn tinh tế, mang màu sắc dân tộc và giàu chất thơ.

B .Phương pháp dạy học

- Với đoạn trích trong SGK, GV cần chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong khi cùng HS tìm hiểu tác phẩm. Những đoạn văn quan trọng và hấp dẫn bộc lộ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm nhất thiết phải được lưu ý, phải được GV hoặc HS đọc lên để cả lớp cùng tham gia phân tích, đánh giá, nhận định.

- GV giúp HS vận dụng các phương pháp phân tích tác phẩm, so sánh, đối chiếu và khái quát, tổng hợp... để HS vừa nhận biết những nét đặc sắc cụ thể vừa có thể nắm được các giá trị cơ bản của tác phẩm trong sự vận động của văn xuôi Việt Nam từ sau 1945.

C. Phương tiện thực hiện: Sách giáo khoa, sách GV và bản thiết kế.

D. Tiến trình tổ chức dạy học .

1. Kiểm tra bài cũ.
2. Giới thiệu bài mới
3. Tiến hành bài dạy.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: H.dẫn hs tìm hiểu cuộc đời, sự nghiệp nhà văn Tô Hoài *Hoạt động 2: H.dẫn hs tìm hiểu nhân vật My - Số phận ? - Đời sống tủ nhục của con dâu trư nợ ? (GV gọi ý đời sống tủ nhục của my thể hiện ở 2 phương diện thể chất và tinh thần)	Hs đọc tiểu dẫn và rút ra các ý chính về cuộc đời, sự nghiệp nhà văn Tô Hoài và hoàn cảnh sáng tác "Vợ chồng A Phủ" - Hs phát biểu ý kiến nêu thân phận của My ở Hồng Ngài - Hs nêu những biểu hiện cụ thể về đời sống tủ nhục của My	I.Tiểu dẫn : II.Hướng dẫn đọc hiểu đoạn trích: 1. Nhân vật My: - Mị trở thành con dâu gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra. Con dâu gạt nợ thì bề ngoài là con dâu nhưng thực chất bên trong là con nợ. - Điều cực nhục và khổ đau của số phận nhân vật: Mị là con nợ nhưng Mị cũng lại là con dâu. Là con dâu, linh hồn Mị đã bị đem trình ma nhà thống lí rồi, Mị không thể chạy đâu cho thoát! Mị sẽ phải kéo lê cái thân phận khốn khổ của mình cho đến bao giờ? cho đến tận đời! - Mị chấp nhận cảnh ngộ sống “lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa”. Âm thầm như một cái bóng là cách sống mà Mị lựa chọn, cho dù, đó là một sự lựa chọn chống lại bản tính yêu đời của cô gái một thời xinh đẹp và tài hoa. Tác giả cất nghĩa: “Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi” để mình giải tình trạng bị đẩy đoạ đến mức bị tê liệt về tinh thần và dần tời tiếng thơ

- Sức sống tiềm tàng của nhân vật biểu hiện ntn? (GV gợi ý : SSTT được nhà văn miêu tả qua các quá trình tâm lý của nhân vật. Cho hs tìm hiểu tâm lý trong đêm xuân tình và đêm cời trối cho A Phủ)	- Hs thảo luận theo nhóm để rút ra SSTT tàng của Mị thể hiện qua các quá trình tâm lý.	dài buông xuôi phó mặc cho hoàn cảnh của nhân vật: “Bây giờ thì Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi ở cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi”. - Bị biến thành một thứ công cụ lao động là nỗi cực nhục mà nhân vật phải chấp nhận và chịu đựng. - Căn buồng của Mị ở nhà thống lí chỉ là một thứ ngục thất giam cầm một tù nhân: “Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng”. - Người con gái làm dâu gặt nợ ấy bị dày dũa bởi lao động khổ sai ở nhà thống lí, lẽ cố nhiên là rất cực nhục, nhưng một sự câu lưu vĩnh viễn về tinh thần mới thực sự đáng sợ. Nó sẽ! làm cho cô sống mà như đã chết hay nói chính xác hơn là nó buộc cô phải chấp nhận tồn tại với trạng thái gần như đã chết trong lúc đang sống. Cô có thể thoát ra khỏi tình thế tuyệt vọng ấy không, khi cô đã mất tri giác về cuộc sống? - Sức sống tiềm tàng +Mị trong đêm uống rượu đón xuân về, khi nghe tiếng sáo gọi bạn, khi niềm khao khát sống trở lại, khi bị A Sử trói đứng, khi chứng kiến tình cảnh của A Phủ cho tới khi cầm dao cắt dây trói cứu người bạn cùng cảnh ngộ và quyết định bỏ trốn khỏi Hồng Ngài... + Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát trong một trạng thái thật khác thường. Rượu làm cơ thể và đầu óc Mị say, nhưng tâm hồn cô thì từ phút ấy, đã tỉnh lại sau bao tháng ngày câm nín, mù mịt vì sự dày dũa. Cái cách uống ực như thế, khiến người ta nghĩ: như thế cô đang uống đắng cay của cái phần đời đã qua, như thế cô đang uống cái khao khát của phần đời chưa tới. + Mị với cõi lòng đã phôi phôi trở lại và cái ý nghĩ lạ lùng mà rất chân thực “Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa”. Nghịch lí trên cho thấy: khi niềm khao khát sống hồi sinh, tự nó bỗng trở thành một mãnh lực không ngờ, xung đột gay gắt, quyết một mất một còn với cái trạng thái vô nghĩa lí của thực tại. Sở trường phân tích tâm lí cho phép ngòi bút tác
--	---	---

*Hoạt động 3: H. dẫn hs tìm hiểu nhân vật A Phủ - Số phận - Tính cách? *Hoạt động 4: H. dẫn hs tìm hiểu nghệ thuật.	- Hs phát biểu theo định hướng của GV. HS suy nghĩ trả lời	giả lách sâu vào những bí mật của đời sống nội tâm, phát hiện nét đẹp và nét riêng của tính cách. + Mị xắn mỡ bỏ vào đĩa đèn cho căn buồng sáng lên, Mị mặc áo váy mới để chuẩn bị đi chơi Mị với những kí ức tươi đẹp thời thanh xuân quên cả cảnh mẫn đang bị trói,... + Mị vẫn ra ngồi sưởi lửa bên cạnh A Phủ, bất chấp việc bị A Sử đập ngã xuống đất. + Mị cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ trốn khỏi Hồng Ngài ➔ Khi sức sống tiềm tàng trong tâm hồn nhân vật được hồi sinh, nó sẽ là ngọn lửa không thể dập tắt. Nó tắt yếu chuyển hoá thành hành động phản kháng táo bạo ở những nạn nhân của giai cấp thống trị, chính họ sẽ đứng lên chống lại cường quyền áp bức, chống lại mọi sự chà đạp, lăng nhục, vật hoá con người (déshumaniser) để cứu lấy cuộc đời mình. <u>2. Hình tượng nhân vật Phủ</u> Nhân vật A Phủ cũng là một đóng góp mới của tác giả về phương diện xây dựng nhân vật. - <i>A Phủ với số phận đặc biệt:</i> Lớn lên giữa núi rừng, A Phủ trở thành chàng trai Mông khoẻ mạnh chạy nhanh như ngựa, biết đúc lưỡi cày, biết đúc cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo. Con gái trong làng nhiều người mê, nhiều người nói: “Đứa nào được A Phủ cũng bằng được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu”. - <i>A Phủ với cá tính đặc biệt:</i> Cá tính gan góc của A Phủ vốn đã bộc lộ từ năm lên mười, cá tính ấy lại được chính cuộc sống hoang dã của núi rừng cùng hoàn cảnh ở đợ làm thuê nhiều cực nhọc, vất vả hun đúc để A Phủ trở thành một chàng trai có tính cách mạnh mẽ, táo bạo. Thế nhưng, do tội đánh con quan, A Phủ cũng bị biến thành nô lệ nhà thống lí. - Là người mạnh mẽ và gan góc, A Phủ không sợ cả cái chết... ➔ Xây dựng A Phủ, Tô Hoài đã tô đậm thêm số phận người nông dân miền núi Tây Bắc dưới ách thống trị của chúa đất phong kiến. Bằng nhiều cách khác nhau, họ đều bị biến thành nô lệ của bọn địa chủ PK. <u>3. Những đặc sắc về nghệ thuật</u> - Thành công cơ bản của truyện ngắn <i>vợ chồng A Phủ</i> là ở nghệ thuật xây dựng nhân vật, đặc biệt là ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật. - Tô Hoài vốn là nhà văn có biệt tài miêu tả
---	--	--

	- Hs phát biểu theo định hướng của GV	thiên nhiên và những nét lạ trong phong tục, tập quán xã hội. Truyện ngắn <i>vợ chồng A Phủ</i> bộc lộ rõ nét sở trường ấy. (Ghi nhớ : SGK)
--	---------------------------------------	---

4. *Củng cố - Dặn dò*: Chuẩn bị bài để viết bài viết số 5 (Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học)

5. *Rút kinh nghiệm, bổ sung*:

Tiết 57-58 Tuần 21	VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 5 NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC	NS ND
-------------------------------------	---	------------------------

A - MỤC TIÊU BÀI HỌC:Giúp HS

- Củng cố và nâng cao trình độ làm văn nghị luận về các mặt: xác định đề, lập dàn ý, diễn đạt.
- Viết được bài văn nghị luận văn học thể hiện ý kiến của mình một cách rõ ràng, mạch lạc có sức thuyết phục.

B - NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Bài này tập trung văn nghị luận một vấn đề văn học. GV cần lưu ý HS ôn lại những tri thức về nghị luận về thao tác lập luận,... để HS biết cách lập luận chặt chẽ, nêu luận điểm rõ ràng, đưa ra dẫn chứng có sức thuyết phục, hấp dẫn ; tránh những lỗi viết võ đoán, cực đoan, không có cơ sở lí luận.

2. Trọng tâm bài học

Rèn luyện cách lập luận, nêu luận điểm, đưa dẫn chứng, để đưa ra những nhận định đúng đắn phù hợp với chân lí.

C- PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

- Cần chọn những đề sát với trình độ của HS và thích hợp với thời lượng đã định (nếu thời gian làm bài là 1 tiết thì với những đề lớn và khó, HS sẽ không đủ thời giờ suy nghĩ và viết bài).
- GV nên xem những đề ở SGK như những đề tham khảo, gợi ý để ra những đề sát hợp với HS của mình hơn.

- Cần lưu ý HS: phải có ý thức nộp bài đúng thời gian quy định - tạo thói quen cần thiết để dự các kì thi, cũng như tham gia các công trình tập thể sau này (nếu có cơ hội).

2. Tiến trình tổ chức dạy học .

Bài học được thực hiện theo tiến trình phổ biến của tiết viết bài ở lớp.

*** Đề bài: Hãy làm sáng tỏ ý kiến sau: " Văn học là nhân học" (M Gorky).**

A. Mục đích yêu cầu: Giúp HS:

- Nắm chắc khái niệm nhân vật GT với những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ thân sơ của họ đối với nhau, cùng những đặc điểm khác chi phối nội dung và hình thức lời nói của các nhân vật trong hoạt động GT

- Nâng cao năng lực GT của bản thân và có thể xác định được chiến lược giao tiếp trong những ngữ cảnh giao tiếp nhất định.

B. Phương tiện dạy học :

SGK, SGV, TKDH, Máy chiếu

C. Phương pháp dạy học :

Phân tích, nêu vấn đề (phương pháp chính là phương pháp quy nạp và theo hệ thống câu hỏi SGK) sau đó rút ra kết luận

Cho học sinh giải bài tập sau bài học và bài tập tình huống để nâng cao kỹ năng giao tiếp cho HS

D. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ

3. Giới thiệu bài mới

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh phân tích ngữ liệu 1 SGK Hướng dẫn HS lần lượt trả lời từng câu hỏi SGK - Qua phân tích ngữ liệu 1, em rút ra được những nhân xét gì về mối quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp?	HS đọc và tìm hiểu ngữ liệu 1 HS lần lượt trả lời HS tổng hợp các ý kiến phân tích từ ngữ liệu 1 và trả lời	I. Phân tích ngữ liệu 1/ VD : Ngữ liệu 1 SGK a. Các nhân vật giao tiếp là "hắn" (Tràng) và "thị". Họ là những người cùng lứa tuổi, cùng tầng lớp xã hội và khác nhau về giới tính. b. Các nhân vật giao tiếp thường xuyên đổi vai nói và vai nghe. Lượt đầu tiên cô gái hướng tới các bạn gái, sau đó hướng tới Tràng. c. Các nhân vật giao tiếp đều ngang hàng, bình đẳng về lứa tuổi, về tầng lớp và vị thế xã hội. d. Lúc đầu quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp là xa lạ, không quen biết, nhưng họ đã nhanh chóng thiết lập được mối quan hệ thân mật, gần gũi. e. Những đặc điểm của nhân vật giao tiếp đã chi phối rõ nét đến nội dung lời nói và cách nói. ➔ Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ các nhân vật giao tiếp xuất hiện trong vai người nói (người viết) hoặc người nghe (người đọc). Họ thường đổi vai và luân phiên lần lượt với nhau - Các nhân vật giao tiếp có thể có vị thế ngang hàng hoặc cách biệt, xa lạ hay thân tình..
*Hoạt động 2 : Hướng		2. VD2 (Ngữ liệu 2 SGK)

dẫn cho học sinh thảo luận nhóm mỗi nhóm 1 câu hỏi ở ngữ liệu 2: - Qua phân tích ngữ liệu 2, để đạt được hiệu quả GT cao nhất, NVGT còn phải chú ý những nhân tố nào? GV giải thích thuật ngữ “chiến lược GT”. GV nhắc lại các kiến thức trọng tâm đã học. GV có thể đưa ra một tình huống giao tiếp cụ thể và gợi ý cho hs thực hành.	HS đọc ngữ liệu 2 và thảo luận nhóm (Mỗi nhóm thảo luận 1 câu) Cử đại diện của mỗi nhóm trả lời. HS đọc ghi nhớ và ghi vào vở.	a. Có nhiều nhân vật giao tiếp. Hội thoại của Bá Kiến với Chí Phèo và Lý Cường chỉ có một người nghe. b. Vị thế của Ba Kiến cao hơn mọi người nên cách nói rất hống hách, trịch thượng. c. Bá Kiến chọn chiến lược giao tiếp rất khôn ngoan gồm nhiều bước (1- 4) d. Với chiến lược như vậy, Bá Kiến đã đạt được mục đích và hiệu quả giao tiếp. Chí Phèo đã thấy lòng nguôi nguôi. ➔ <i>Các nhân vật GT có thể khác nhau về quan hệ xã hội, có những đặc điểm riêng biệt như: lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, vốn sống, văn hoá... luôn luôn chi phối lời nói của họ về nội dung và hình thức ngôn ngữ.</i> - <i>Để đạt được mục đích và hiệu quả GT, mỗi nhân vật GT tùy thuộc vào ngữ cảnh mà lựa chọn và thực hiện chiến lược GT phù hợp.</i> <u>II/ Ghi nhớ: (SGK)</u> <u>III. Luyện tập</u>
---	---	---

4. *Củng cố, dặn dò:* **Soạn bài " Vợ nhặt"**

5. *Rút kinh nghiệm bổ sung:*

Tiết 61-62 Tuần 23	VỢ NHẬT (Kim Lân)	NS ND
-------------------------------------	--------------------------------------	------------------------

A- Mục tiêu bài học:Giúp HS

- Hiểu được tình cảnh thê thảm của người nông dân nước ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945 do thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra.
- Hiểu được niềm khát khao hạnh phúc gia đình, niềm tin bất diệt vào cuộc sống và tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa những người lao động nghèo khổ ngay trên bờ vực thẳm của cái chết.
- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật:sáng tạo tình huống,gợi không khí,miêu tả tâm lí,dựng đối thoại.

B- Phương tiện thực hiện:

- SGK , SGK , Thiết kế bài học

C- Phương pháp dạy học:

- GV tổ chức dạy học theo phương pháp: nêu vấn đề ,phát vấn,dàm thoại kết hợp với diễn giảng và thảo luận nhóm.

D- Tiến trình tổ chức dạy học

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Giới thiệu bài mới: Nạn đói năm 1945 đã làm xúc động nhiều văn nghệ sĩ.Nhà văn Nguyên Hồng viết *Địa ngục*, Tô Hoài viết *Mười năm...*Kim Lân đóng góp vào đề tài trên một truyện ngắn xuất sắc "Vợ nhặt".Truyện ngắn "*Vợ nhặt*" đã thể hiện thành công hình tượng những con người Việt Nam lương thiện trong tai hoạ đói kém khủng khiếp do thực dân, phát xít gây ra.Nhưng họ đã cuu mang đùm bọc nhau và hi vọng trông chờ vào sức mạnh giải phóng dân tộc của cuộc cách mạng do giai cấp công -nông lãnh đạo.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: H.dẫn hs tìm hiểu Tiêu dẫn -GV gọi HS đọc phần tiểu dẫn SGK -Dựa vào Tiêu dẫn SGK,em hãy nêu những nét chính về tác giả Kim Lân? -Em hãy trình bày xuất xứ truyện ngắn <i>Vợ nhặt</i>	HS đọc Tiểu dẫn SGK HS dựa vào Tiêu dẫn SGK và những hiểu biết của bản thân để trình bày.	I.Tìm hiểu chung 1.<i>Tác giả Kim Lân(1920-2007)</i> -Tên khai sinh:Nguyễn Văn Tài Quê:làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn,Tỉnh Bắc Ninh. -Tác phẩm chính: <i>Nên vợ nên chồng(1955), Con chó xấu xí(1962)</i> -Thế giới nghệ thuật của ông thường là khung cảnh nông thôn, hình tượng người nông dân. - Là nhà văn một lòng một dạ đi về với "đất", với "người" với "thuần hậu nguyên thủy" của cuộc sống nông thôn. -Nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật năm 2001. 2. <i>Tác phẩm</i> +<i>Vợ nhặt</i> là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân in trong tập truyện "<i>Con chó xấu xí</i>"(1962) -Tiền thân của truyện ngắn này là tiểu thuyết"<i>Xóm ngụ cư</i>" được viết ngay sau Cách mạng tháng Tám nhưng dang dở và bị

*Hoạt động 2: H. dẫn hs tìm hiểu ý nghĩa nhan đề +Dựa vào nội dung truyện, hãy giải thích nhan đề <i>Vợ nhặt</i>? -GV nhận xét và nhấn mạnh một số ý cơ bản *Hoạt động 3: H. dẫn hs tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tình huống truyện như thế nào? +Em hãy cho biết tình huống truyện đó có những ý nghĩa gì? GV gợi ý: giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tình huống truyện? *Hoạt động 4: H. dẫn hs tìm hiểu các nhân vật + Cảm nhận của em về nhân vật Tràng và người vợ nhặt?	- 2HS đọc văn bản -HS thảo luận và trình bày - HS làm việc cá nhân HS làm việc cá nhân HS làm việc cá nhân	mất bản thảo. Sau khi hoà bình lập lại(1954),Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn này. II. Đọc -hiểu văn bản 1. Ý nghĩa nhan đề "Vợ nhặt" - Nhan đề <i>Vợ nhặt</i> tóm tắt giá trị nội dung tư tưởng của tác phẩm. - Từ nhan đề, ta thấy thân phận con người bị rẻ rúng như cái rơm, cái rác có thể nhặt ở bất kì đâu,bất kì lúc nào. Người ta hỏi vợ, cưới vợ còn ở đây Tràng nhặt vợ. - Đây thực chất là sự khốn cùng của hoàn cảnh. 2. Tình huống truyện -Tràng là một chàng trai sống ở xóm ngụ cư nghèo mà lại xấu xí, dờ dơi,tướng không thể nào lấy được vợ.Thế mà Tràng nhặt được vợ bằng mấy câu bông đùa"tâm phơ tâm phào",nhờ mấy bát bánh đúc. -Tình huống truyện diễn ra trong một khoảnh khắc đặc biệt:nạn đói khủng khiếp năm 1945 đang đe dọa cuộc sống từng con người trong mỗi gia đình,mỗi làng xóm -Tình huống Tràng nhặt được vợ đã làm cho mọi người vô cùng ngạc nhiên: +Trẻ con xóm ngụ cư ngạc nhiên +Người lớn cũng ngạc nhiên +Mẹ của Tràng cũng ngạc nhiên +Bản thân Tràng cũng không ngờ được,cứ ngỡ ngang như không phải.Một tình huống éo le,giàu kịch tính,rất độc đáo. -Giá trị hiện thực: tố cáo tội ác của thực dân Pháp,phát xít qua bức tranh xám xịt về thảm cảnh chết đói. -Giá trị nhân đạo:Tình nhân ái cứu mang đùm bọc lẫn nhau,khát vọng hướng tới cuộc sống và hạnh phúc.Điều mà Kim Lân muốn nói là trong bối cảnh bi thảm,giá trị nhân bản không mất đi,con người vẫn muốn cứ được là con người. 3. Tìm hiểu các nhân vật a. <i>Tràng và người vợ nhặt</i> * Bị cái đói dồn vào thảm cảnh -Tràng + Đi từng bước mệt mỏi,cái đầu trọc cúi về đằng trước...
---	--	--

+Cảm nhận của em về diễn biến tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ- mẹ Tràng. -GV nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.	HS phát biểu tự do, tranh luận. - Ngạc nhiên - Lo âu, thương cảm, tủi thân. -Hi vọng tin tưởng của tương lai.	+Không có tiền cưới vợ. Ngày vui vợ chồng phải ăn cám -Người vợ nhặt: +Rách rưới,tả tơi gãy sọp,trên khuôn mặt lưỡi cày chỉ còn thấy hai con mắt. +Không có nổi cái tên,không duy trì nổi lòng tự trọng để phải theo không Tràng chỉ sau bốn bát bánh đúc. *Có khát khao nương tựa, khát khao muốn được gắn bó vào cuộc đời của người khác để được tồn tại,để sống,để cho cuộc đời mỗi người trở nên có ý nghĩa hơn. - Tràng: + Lúc đầu:Chỉ đùa và trên đường đưa người vợ nhặt về tâm hồn tràn đầy tình nghĩa,quên luôn cả mùa đói. +Sáng hôm sau:Cảm nhận rõ hạnh phúc"Thấm thía cảm động"của mái ấm gia đình. - Người vợ nhặt: +Lúc đầu:Chỉ định gắn với Tràng để tồn tại qua mùa đói. +Sáng hôm sau:Cuộc sống gia đình thay đổi thị, biến thành "người đàn bà hiền hậu,đúng mực,không có vẻ gì chao chát chông lộng" *Tràng và người vợ nhặt có sự hi vọng,tin tưởng vào tương lai: -Tràng nghĩ đến chuyện tu sửa nhà cửa,chuyện sinh con ,để cái,chuyện lo lắng cho vợ con sau này,chuyện đám người phá kho thóc Nhật và hình ảnh lá cờ đỏ tượng trưng cho Việt Minh. - Người vợ nhặt cùng mẹ chồng quét tước,thu dọn nhà cửa,sân vườn mong mang lại một sinh khí mới.Nói đến chuyện các vùng khác không còn đóng thuế,phá kho thóc Nhật,chuyện Việt Minh. b. <i>Diễn biến tâm trạng bà Cụ Tứ:</i> * Ngạc nhiên: -Đứng sững lại hấp háy cặp mắt cho đỡ nhòe, quay nhìn Tràng không hiểu(thấy người đàn bà bên Tràng) -Băn khoăn ngồi xuống giường khi nghe người đàn bà chào. *Lo âu,thương cảm,tủi thân: - Cúi đầu,kẽ mắt rĩ xuống hai dòng nước mắt(buồn vì không lo nổi đám cưới cho con,sợ con và dâu"có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không".) -Nghẹn lời, nước mắt "cứ chảy xuống ròng
---	---	---

*Hoạt động 5: H. dẫn hs tìm hiểu nghệ thuật của tác phẩm +Em hãy nhận xét về nghệ thuật viết truyện của Kim Lân : Cách kể chuyện,cách dựng cảnh,đối thoại, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật,ngôn ngữ... - GV diễn giảng thêm cho HS -GV hướng dẫn học sinh tổng kết hai mặt: Nội dung và nghệ thuật.	HS thảo luận và trả lời theo những gợi ý,định hướng của GV HS suy nghĩ và phát biểu tổng kết	ròng" *Hi vọng tin tưởng ở tương lai -Nói đến chuyện nuôi gà,chuyện sẽ có một đàn gà nay mai.Nói đến triết lí"ai giàu ba họ ai khó ba đời" để động viên con và dâu về một viễn cảnh thoát đời nghèo. -Thu dọn,quét tước nhà cửa,sân vườn mong mang lại một sinh khí mới. 4. Nghệ thuật -Cách kể chuyện tự nhiên,lôi cuốn,hấp dẫn. -Nghệ thuật tạo tình huống đầy sáng tạo -Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế,sâu sắc -Ngôn ngữ nhuần nhị ,tự nhiên III. Tổng kết -Truyện ngắn "<i>Vợ nhặt</i>"thể hiện được thảm cảnh của nhân dân ta trong nạn đói năm 1945. Đặc biệt tác phẩm thể hiện được tấm lòng nhân ái, sức sống kì diệu của con người ngay bên bờ vực thẳm của cái chết vẫn hướng về sự sống và khát khao tổ ấm gia đình. -"<i>Vợ nhặt</i>" tạo được một tình huống truyện độc đáo,cách kể chuyện hấp dẫn, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.
---	--	--

4. *Củng cố, dặn dò:* Chuẩn bị bài "**Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn văn xuôi**"

5. *Rút kinh nghiệm, bổ sung:*

TUẦN 23 TIẾT 63	NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM, MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI	NS ND
----------------------------------	---	------------------------

A. Mục tiêu cần đạt: Giúp HS:

- Có kĩ năng vận dụng các thao tác phân tích, bình luận, chứng minh, so sánh...để làm bài văn nghị luận văn học.

- Biết cách làm bài văn nghị luận VH về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

B. Phương tiện: SGK, SGV, Bảng phụ

C. Phương pháp: Quy nạp (Từ thực hành -> củng cố lí thuyết)

D. Tiến trình tổ chức:

1. Kết hợp kiểm tra kiến thức cũ và giới thiệu bài

- Ở lớp 11, các em đã được học: Đặc trưng của các thể loại VH

- Các em vừa biết cách vận dụng các đặc trưng của thể loại thơ để làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

- Yêu cầu HS nhắc lại những đặc điểm của thể loại truyện? (Cốt truyện, nhân vật, những chi tiết, sự kiện, biến cố, cách kể, ngôn ngữ)

- GV chuyển ý vào bài học.

2. Tiến hành bài dạy:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề, lập dàn ý. GV yêu cầu HS đọc đề 1,2 SGK và nêu đối tượng nghị luận ở các đề bài trên . Yêu cầu HS xem gợi ý đã trình bày ở SGK , phần tìm hiểu đề GV diễn giảng thêm để HS rõ. * Cho HS làm việc theo nhóm: lập dàn ý các đề bài trên * GV bổ sung, hoàn	- Đọc đề - Trả lời: nghị luận về một tác phẩm (đề 1), về một khía cạnh của tác phẩm, đoạn trích (đề 2) - Xem SGK- chú ý những gợi ý quan trọng - Thảo luận nhóm: + Nhóm 1, 2, 3: đề 1 + Nhóm 4, 5, 6: đề 2 - Đại diện nhóm trình bày bằng bảng phụ. Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung. - HS theo dõi, ghi chép	<u>1. Tìm hiểu đề, lập dàn ý</u> a. Tìm hiểu đề: SGK b. Lập dàn ý: Đề 1: * <u>Mở bài:</u> Giới thiệu truyện ngắn * <u>Thân bài:</u>

TUẦN 24 TIẾT 64-65	RỪNG XÀ NU <i>(Nguyễn Trung Thành)</i>	NS ND
-------------------------------------	--	------------------------

A Mục tiêu cần đạt : Giúp HS

- Nắm được tư tưởng mà tác giả gửi gắm qua những hình tượng của tác phẩm : sự lựa chọn con đường đi của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù.
- Thấy được vẻ đẹp sử thi và nét đặc sắc Tây Nguyên, ý nghĩa và giá trị của tác phẩm trong hoàn cảnh chiến đấu chống Mỹ cứu nước lúc bấy giờ và trong thời đại ngày nay.
- Vận dụng được kĩ năng phân tích tác phẩm văn chương tự sự.

B. Phương tiện :

- Sgk , Sgv , Sách tham khảo
- Thiết kế bài học

C. Phương pháp : Kết hợp phát vấn – gợi mở, thảo luận- bình giảng

D. Tiến trình lên lớp

1. Ổn định lớp

2. Kiểm tra bài cũ

3. Bài mới

* Giới thiệu bài mới

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung - Gọi HS đọc tiểu dẫn và trả lời câu hỏi - Dựa vào tiểu dẫn hãy cho biết vài nét về tiểu sử NTT mà em có ấn tượng nhất ? - Hãy cho biết đặc điểm sáng tác văn chương của nhà văn NTT ? - Hướng dẫn HS tóm tắt - Hãy nêu chủ đề	HS dựa vào tiểu dẫn SGK trả lời 2,3 HS tóm tắt HS trả lời	I. Tìm hiểu chung 1. Về tác giả : (Sgk) → Nhà văn gắn bó mật thiết với chiến trường Tây Nguyên, có vốn hiểu biết về đất nước – con người Tây Nguyên rất phong phú. - Đặc điểm sáng tác : mang đậm tính sử thi -phản ánh những nhân vật anh hùng tiêu biểu cho cộng đồng, những vấn đề lớn của cộng đồng 2. Xuất xứ : SGK 3. Tóm tắt : Tài liệu 4. Chủ đề : Tác phẩm đã tái hiện lại thời kì lịch sử đen tối ở Tây Nguyên, nỗi đau của cá nhân và mất mát lớn lao của buôn làng đã khiến Tnú và dân làng Xôman đồng khởi.
*Hoạt động 2 : H. dẫn HS đọc hiểu văn bản - GV thuyết giảng và cho HS tìm hiểu về tác phẩm - GV hướng dẫn HS đọc - Sau khi đọc GV hướng dẫn HS thảo luận câu hỏi 1 SGK - và cho biết ý nghĩa nhan	HS nghe HS đọc văn bản SGK	II. Đọc – hiểu 1. Ý nghĩa nhan đề: - Hình ảnh rừng xà nu là linh hồn của tác phẩm, là cảm hứng chủ đạo , là dụng ý nghệ thuật của tác giả. - Cây xà nu gắn bó mật thiết với cuộc sống tinh thần ,vật chất của làng Xôman. - Rừng xà nu là bức tranh thiên nhiên hùng vĩ đầy sức sống , luôn sinh sôi nảy nở , bất chấp sự hủy diệt của đạn bom.

đề - GV cho Hs đọc “ Làng ở trong tầm đại bác...xà nu nổi tiếp chạy đến chân trời” phát hiện - Hình tượng cây xà nu được NTT miêu tả gây ấn tượng khó quên cho người đọc như thế nào? Ngoài ý nghĩa tả thực cây xà nu còn có ý nghĩa gì ?BPNT mà tác giả sử dụng để làm nổi bật ý nghĩa tượng trưng nghĩa là cây xà nu không chỉ hiện lên vẻ đẹp mà còn mà còn biểu tượng cho điều gì? Hãy nêu một số chi tiết để chứng minh cho điều ấy ? GVthuyết giảng và hỏi HS - Từ những điều đã phân tích em hãy nêu ý khái quát mà nhà văn NTT thể hiện qua cách miêu tả rừng xà nu? - GV hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật Tnú Nhân vật nào góp phần làm nên chủ đề của thiên truyện? Hãy cho biết những ấn tượng của mình về nhân vật Tnú : lai lịch và phẩm chất của Tnú	Hs đọc và trả lời HS tìm những dẫn chứng Khói xà nu..., lửa xà nu..., nhựa xà nu..., đuốc xà nu... HS trả lời BP nhân hóa (HS có thể nêu những nội dung khác nhưng phải đảm bảo ý trên) Hs nghe HS đọc và suy nghĩ trả lời HS trả lời	- Rừng xà nu là biểu tượng của người Tây Nguyên anh hùng , bất khuất. 2. Hình tượng cây xà nu- Rừng xà nu - Hình tượng cây xà nu mở đầu và khép lại , xuyên suốt toàn bộ tác phẩmvừa mang ý nghĩa hiện thực vừa mang ý nghĩa tượng trưng. - Ý nghĩa tả thực : cây xà nu vươn cao, thẳng đứng , cành lá sum suê, ở chỗ vết thương nhựa ứa ra...Nó phóng nhanh thơm mỡ màng .Rừng xà nu có mặt trong suốt câu chuyện, trong đời sống hằng ngày của dân làng. → cây xà nu tiêu biểu của rừng núi Tây Nguyên và gắn bó với dân làng Xôman . - Ý nghĩa tượng trưng: biểu tượng cho con người và núi rừng Tây Nguyên. +Cả rừng xà nu không có cây nào không bị thương... → cuộc sống bị tàn phá nặng nề đến đau thương của dân làng Xôman.Biểu hiện của đau thương +Cây xà nu ham ánh sáng... → Tnú, Mai hướng tới cuộc sống tự do. + “Đại bác...đến hút tầm mắt” → Sức chịu đựng của xà nu cũng là sự bất khuất kiên cường của dân làng Xôman. + “Rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn ra che chở cho làng” → con người đang chiến đấu để bảo vệ quê hương. + “Những đôi xà nu nối tiếp nhau chạy đến chân trời, cây con nối cây lớn” → nhiều thế hệ Tây Nguyên nối tiếp nhau đánh giặc + Cách miêu tả cây xà nu ứng chiếu với con người và ngược lại “Cụ Mết...,Tnú...,Bé Heng...” + “Những cây mới mọc và nhọn hoắc như mũi lê” → RXN được lấy lại ở cuối truyện và phát triển như con người Xôman chịu nỗi đau thương quá lớn và sự quật khởi của họ. ➔ Cây xà nu là sáng tạo độc đáo của NTT, biện pháp nghệ thuật nhân hóa gọi cho người đọc nghĩ đến vùng đất và con người Tây Nguyên yêu tự do , bất khuất. - Cây xà nu góp phần làm nổi bật chủ đề , ca ngợi con người và đất rừng Tây Nguyên trong cuộc chiến tranh chống kẻ thù xâm lược. 3. Hình tượng nhân vật Tnú a. Lai lịch - Mồ côi cha mẹ, được dân làng Xôman nuôi dưỡng. b. Phẩm chất - Dũng cảm, gan dạ ,muru trí, bất khuất. +Lúc nhỏ làm liên lạc thay anh Quyết: lựa chọn
--	--	--

-GV cho HS thảo luận câu hỏi 2 SGK - Vì sao Tnú không cứu được vợ con? - Vì sao dân làng Xôman không cứu Tnú? GV thuyết giảng về giọng văn mà tác giả dành cho nhân vật Tnú Chính sự tàn bạo kẻ thù đã nung nấu lòng căm thù trong Tnú và dân làng Xôman . Cho nên câu chuyện của Tnú nói lên chân lí nào của dân tộc ta trong thời đại bây giờ. Vì sao cụ Mết muốn chân lí đó phải được nhớ được ghi? - Hãy nêu những cảm nhận của mình về vẻ đẹp nghệ thuật của tác phẩm? - GV thuyết giảng thêm cho HS hiểu về Khuynh hướng sử thi của tác	HS nghe và trả lời HS đọc sách và phát hiện HS trả lời và đưa ra ví dụ minh họa cụ thể HS trả lời bằng cách tìm dẫn chứng minh họa	con đường khó mà đi,học chữ thua Mai thì đập đầu ,bị giặc bắt thì nuốt thư, bị tù thì vượt ngục + Khi lớn lên : là con chim đầu đàn của làng Xôman ,hướng dẫn dân làng chuẩn bị chiến đấu ; bị giặc đốt mười ngón tay Tnú không thêm kêu than. - Giàu lòng yêu thương: +Yêu quê hương:Ba năm đi lực lượng trở về làng nghe âm thanh tiếng chày, đến con nước lớn đầu làng..chân vấp , tim đập bồi hồi,xúc động nhớ từng kỉ niệm,ghi nhớ hình ảnh rừng xà nu. +Yêu Đảng , sớm giác ngộ cách mạng: Lúc nhỏ vào rừng nuôi cán bộ,làm liên lạc; quyết học chữ thay anh Quyết làm cán bộ, lãnh đạo phong trào cách mạng của quê hương. + Yêu gia đình vợ con: xé tấm giò làm địu cho con, sẵn sàng cứu vợ con. - Trung thành với cách mạng , ý thức tổ chức kỉ luật cao. (dẫn chứng) - Căm thù giặc Khi giặc kéo về làng để tiêu diệt phong trào nổi dậy ởXôman + vào rừng nuôi cán bộ +giặc bắt Mai và con anh tra tấn dã man bằng gậy sắt và cả vợ con anh đều gục chết + Anh không cứu nổi vợ con... “ừ ,Tnú không cứu sống được mẹ con Mai...” + Anh bị giặc bắt , trói chặt bằng dây rừngvà đốt tay bằng nhựa xà nu Như vậy Tnú có nỗi đau rất lớn cả về thể xác lẫn tinh thần -Chân lí “Chúng nó đã cầm súng , mình phải cầm giáo” (dẫn chứng) bởi khi chúng ta cầm súng đứng lên chống lại súng đạn của kẻ thù thì mọi thứ đều thay đổi. - Cụ Mết , Mai , Dít , Bé Heng có vai trò tiếp nối sự sống cho Tnú ➔ Tnú là nhân vật trung tâm được xây dựng bằng bút pháp giàu chất sử thi . Tnú tiêu biểu cho số phận và con đường đấu tranh của dân tộc Tây Nguyên. Là một trong những hình tượng thành công của NTT và văn học chống Mỹ cứu nước . 3, Nhận xét về nghệ thuật -Tác giả đã khắc họa thành công nhân vật anh hùng mang dấu ấn thời đại, phong cách Tây Nguyên. - Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. -Cách miêu tả đan xen giữa hiện tại và quá khứ.
--	--	---

phẩm thể hiện qua đề tài, chủ đề, nhân vật, giọng điệu, xung đột... *Hoạt động 3: H. dẫn HS luyện tập để củng cố bài học	-Cách miêu tả tạo hình rất đặc sắc. 4, Ghi nhớ : SGK <u>III. Luyện tập, củng cố</u> BT1,2 SGK và BT 1,2,3 SBT
--	--

4. *Củng cố, dặn dò:* Chuẩn bị bài "**Bắt sấu rừng U Minh hạ**"

5. *Rút kinh nghiệm, bổ sung:*

Tiết 66 Tuần 24	Đọc thêm: BẮT SÁU RỪNG U MINH HẠ (<i>Sơn Nam</i>)	NS ND
--------------------	---	----------

A. Mục tiêu: Giúp học sinh:

- Nắm được một vài nét về cuộc đời, sự nghiệp của nhà văn Sơn Nam và tập truyện “*Hương rừng Cà Mau*”.
- Cảm nhận được bức tranh thiên nhiên độc đáo của vùng đất mũi Cà Mau, những con người Nam Bộ cần cù, dũng cảm, tài trí, lạc quan, yêu đời. Và bao trùm lên trang viết là tấm lòng tha thiết yêu quê hương, đất nước, yêu nhân dân mình- phẩm chất tinh thần sâu sắc nhất của con người Việt Nam.

B. Phương pháp: Vấn đáp, thuyết giảng, thảo luận nhóm...

C. Phương tiện: Thiết kế dạy học của GV, SGK, SGV...

D. Tiến trình bài dạy:

1. *Ôn định lớp:*

2. *Kiểm tra bài cũ:*

3. *Giới thiệu bài mới:* Giới thiệu ngắn gọn.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: - Gọi hs đọc tiêu dẫn và rút ra những ý chính. - Bổ sung: <i>Những năm kháng chiến chống Pháp, tác giả SN ở khu IX Nam Bộ. Do đó, nhà văn có điều kiện hiểu biết kĩ về thiên nhiên, lịch sử, con người của vùng đất mũi Cà Mau. Chính vì thế Sơn Nam có nhiều tác phẩm.</i> *Hoạt động 2: - Hướng dẫn hs tìm hiểu văn bản văn bản và bố cục. - Yêu cầu hs nêu hướng tìm hiểu. - Hướng dẫn hs thảo luận và trả lời câu hỏi 1. - Chốt lại phần trả lời của hs. - Hướng dẫn hs thảo luận và tìm	* Đọc tiêu dẫn SGK và nêu khái quát về tác giả: Tiểu sử và tác phẩm chính. - Đọc văn bản và nêu xuất xứ của tác phẩm. - Tìm hiểu bố cục tác phẩm và nêu rõ nội dung từng phần. - Nêu hướng phân tích. - HS thảo luận và trả lời câu hỏi 1. - Tìm dẫn chứng "<i>rừng tràm xanh biếc, những cỏ cây hoang dại, cá sấu nhiều như trái mù u</i>"... - Tìm dẫn chứng: <i>bắt sáu bằng lưới sắt, rồi móc con vịt sống, Năm</i>	I. Tác giả: - Tiểu sử: Tên thật Phạm Minh Tài, sinh năm 1926 tại Kiên Giang. Ông tham gia cách mạng từ năm 1945 và hoạt động văn nghệ từ thời kháng chiến chống Pháp. Sau năm 1975 ông là hội viên Hội NVVN, Ủy viên BCH Hội NVVN. - Tác phẩm: SGK Tiêu biểu là tác phẩm <i>Hương rừng Cà Mau</i> gồm 18 truyện ngắn. Tác phẩm sẽ đưa người đọc vào thế giới của một bức tranh thiên nhiên kì thú và những người dân lao động mộc mạc, đôn hậu, dũng cảm... II/ Đọc - hiểu văn bản: 1. Xuất xứ: - Được rút ra từ tập <i>Hương rừng Cà Mau</i>. 2. Bố cục: 3 phần - Phần 1: "Đầu đến"... ngoài Huế" - Phần 2: "Sáng hôm sau... đi bộ về sau". - Phần 3: Phần còn lại. 3. Phân tích: a. Hình ảnh thiên nhiên và con người vùng đất U Minh Hạ: - Thiên nhiên vùng đất U Minh Hạ khá độc đáo và phong phú. - Con người: họ là những con người gan góc mưu trí, cần cù và sức sống mãnh liệt, giàu tình nghĩa... b. Nhân vật Năm Hên: - Tính cách và tài nghệ của Năm Hên gây ấn

hiếu nhân vật Năm Hên. Gợi ý: Tính cách, tài nghệ...? - Bài hát của Năm Hên gợi Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam em những cảm nghĩ gì? * Lưu ý: Yêu cầu hs trả lời theo những suy nghĩ, cảm nhận riêng của mình nhưng phải đảm bảo được những ý cơ bản. -Yêu cầu hs nêu những đặc điểm nghệ thuật nổi bật của tác phẩm	<i>Hên bắt sấu rừng bằng tay không, Tư Hoạch là một tay ăn ong rất sành địa thế vùng Cái Tàu, những người trai tráng đã từng gài bẫy cọp, săn heo rừng...</i> - Thảo luận và tìm hiểu tài nghệ và tính cách nhân vật Năm Hên. - Nêu đặc điểm nghệ thuật nổi bật. Nêu được cảm nhận của mình về vùng đất và con người miền cực nam Tổ quốc qua tác phẩm	tượng sâu sắc với người đọc. + Là người giàu tình thương người, rất mộc mạc, khiêm nhường và cũng rất mưu trí, gan góc, can trường. + Là "người thợ già chuyên bắt cá sấu ở Kiên Giang đạo". - Ý nghĩa bài hát của Năm Hên: * Tưởng nhớ hương hồn những người đã bị cá sấu bắt, trong đó có người anh ruột của ông. * Bài hát gợi nhiều cảm nghĩ về một vùng đất khắc nghiệt..., đồng thời cũng cho ta thấy tấm lòng của Năm Hên. c. Nghệ thuật: - Kể chuyện: mộc mạc, tự nhiên, gọn gàng, sáng rõ, chỉ cần một vài nét đơn sơ cảnh vật và con người hiện lên rõ nét. - Sử dụng ngôn ngữ, mang đậm phong vị Nam Bộ <u>III. Kết luận:</u>
---	--	---

4. Củng cố -Dặn dò:

- Đôi nét về phong cách sáng tác, tấm lòng yêu quê hương tha thiết của nhà văn Sơn Nam.
- Bức tranh thiên nhiên độc đáo và con người cần cù, tài trí, dũng cảm của vùng đất mũi Cà Mau.

5. Rút kinh nghiệm, bổ sung:

Tiết 67-68 Tuần 25	NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH <i>(Nguyễn Thi)</i>	NS ND
-------------------------------------	--	------------------------

A. Mục tiêu bài học: Giúp học sinh:

- Hiểu được hiện thực đau thương, đầy hy sinh gian khổ nhưng rất đỗi anh dũng, kiên cường, bất khuất của nhân dân miền Nam trong những năm chống Mỹ cứu nước. Sự gắn bó sâu nặng giữa tình cảm gia đình và yêu nước, tình CM, giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

- Biết trân trọng, yêu thương và cảm phục những con người bình thường mà giàu lòng nhân hậu, vô cùng dũng cảm đã đem máu xương để giữ gìn, bảo vệ đất nước.

- Nắm được những đặc sắc về nghệ thuật của thiên truyện, nghệ thuật trần thuật đặc sắc, khắc họa tính cách và miêu tả tâm lý sắc sảo, ngôn ngữ phong phú, góc cạnh, giàu giá trị tạo hình và đậm chất Nam Bộ.

B. Phương tiện thực hiện : Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách tham khảo, Thiết kế giáo án

C. Phương pháp thực hiện: Diễn giảng, phát vấn, thảo luận, gợi mở, đàm thoại.

D. Tiến trình lên lớp:

1. Ổn định lớp - kiểm tra bài cũ:

2. Bài mới:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần tiểu dẫn trong SGK Dựa vào phần tiểu dẫn hãy tóm tắt vài dòng về tiểu sử của tác giả Nguyễn Thi? - Hiểu biết của em về hoàn cảnh ra đời, giá trị tác phẩm "Những đứa con trong gia đình" *Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh đọc, tìm hiểu văn bản	HS đọc phần tiểu dẫn Học sinh tóm tắt trả lời HS nêu ý chính HS trả lời Hs đọc văn bản theo hướng dẫn của GV	I. Giới thiệu chung: 1. Tác giả: a. <u>Tiểu sử: SGK</u> b. <u>Tư tưởng - phong cách</u> - Gắn bó sâu sắc với nhân dân Nam Bộ, là nhà văn của nhân dân Nam Bộ thời kỳ chống Mỹ - Nhân vật tiêu biểu: Người nông dân Nam Bộ với những nét tính cách tiêu biểu 2. Tác phẩm "Những đứa con trong gia đình". - Truyện ngắn xuất sắc - ra đời trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ III. Đọc, hiểu văn bản

- Truyện "Những đứa con trong gia đình" được trần thuật chủ yếu từ điểm nhìn của nhân vật nào? GV tiếp tục bổ sung, giảng giải, kết luận - Những nét thống nhất tạo nên nét truyền thống của gia đình Việt - Chiến? Cho HS phân nhóm, trả lời GV bổ sung, giảng giải, kết luận. - Tìm những chi tiết trong tác phẩm đề cập đến hình tượng chú Năm? Trong số những chi tiết ấy em ấn tượng với chi tiết nào nhất? Vì sao? GV bình chi tiết tiếng hò Từ đó nêu những nhận xét khái quát của em về nhân vật này? GV nhận xét, bổ sung - Hình tượng người mẹ được nhắc đến như thế nào trong tác phẩm? Vì sao bảo người mẹ chính là hiện thân của truyền	- HS suy nghĩ trả lời - HS lắng nghe HS suy nghĩ, thảo luận, trả lời Đại diện nhóm, trả lời HS hệ thống, trả lời HS thảo luận trả lời. HS thảo luận theo nhóm, đại diện nhóm trả lời	1. Cảm nhận chung - Kể chuyện: tự sự qua dòng hồi tưởng của Việt khi bị trọng thương nằm lại 1 mình ở chiến trường, trong bóng tối. → nhà văn có điều kiện nhập sâu vào thế giới nội tâm nhân vật để dẫn dắt câu chuyện. ⇒ Diễn biến câu chuyện biến đổi linh hoạt, tự nhiên. - Sự hòa quyện, gắn bó giữa tình cảm gia đình với tình yêu đất nước, những truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc tạo nên sức mạnh to lớn của người Việt nam, dân tộc Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. 2. Hình tượng nhân vật: a. <u>Nét chung thống nhất của gia đình:</u> + Căm thù giặc sâu sắc + Gan góc, dũng cảm, khao khát, chiến đấu, giết giặc. + Giàu tình nghĩa, rất mực thủy chung son sắt với quê hương, Cách mạng. → truyền thống gia đình trong mối quan hệ với truyền thống Cách mạng, dân tộc tạo nên 1 dòng sông truyền thống. b. <u>Nét riêng tiêu biểu từng thành viên</u> (1) <u>Chú Năm:</u> - Hay kể về sự tích gia đình, tác giả của cuốn biên niên sử gia đình. - Dẫn dắt các cháu - Tiếng hò đầy tâm tư: tha thiết, nhẩn nha, lời thề, trái tim, tâm hồn + Luôn hướng về truyền thống, đại diện và lưu giữ truyền thống. Ông là khúc thượng nguồn của dòng sông truyền thống, là nơi kết tinh đầy đủ hơn cả truyền thống của gia đình (2) <u>Má Việt - Chiến:</u> - Hiện thân của truyền thống: + Tảo tần, đảm đang, tháo vát thương yêu chồng con hết mực.
---	---	---

thông?		+ ghim nén đau thương đời mình để sống chờ che cho đàn con và chiến đấu . ➔ Bà là biểu tượng về người phụ nữ nông dân Nam Bộ thời chống Mỹ
- So với mẹ, chị Chiến có những điểm nào giống và khác? Nguyễn Thi có dụng ý như thế nào trong việc xây dựng hình tượng chị Chiến?	HS tìm những chi tiết tiêu biểu, nhận xét	(3) <u>Chị Chiến</u>: * Giống mẹ: Vóc dáng; Đức tính: gan góc, đảm đang - Tính cách - Vừa trẻ con: tranh công bắt ếch, tranh đi tòng quân, tranh công bắt tàu giặc - Vừa người lớn: + thương em, lo cho em, nhường nhịn em ➔ 1 cô bé hồn nhiên, vô tư ở tuổi mới lớn * Khác mẹ + trẻ trung, thích làm dáng + có điều kiện trực tiếp cầm súng đánh giặc trả thù nhà, thực hiện lời thề sắt đá. ➔ biết kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình và dân tộc
- Em ấn tượng ở nhân vật Việt bởi những nét tính cách tiêu biểu nào?	HS lựa chọn, suy nghĩ, trả lời.	(4) <u>Việt</u> - Tính tình hồn nhiên, trẻ con + Luôn giữ trong mình cái ná thun, cho tới khi đã vào bộ đội + Vị thương rất nặng tới lần 2 "trong bóng đêm vắng lặng và lạnh lẽo", Việt không sợ chết mà lại sợ ma và bóng đêm. + Yêu chị nhưng hay tranh giành với chị. + Rất yêu quý đồng đội nhưng không nói thật là mình có chị, sợ mất chị, phải giấu chị. - Có tình thương yêu gia đình sâu đậm: + Tình cảm chị em, đối với linh hồn má, với chú Năm. + Hình ảnh cha mẹ thân yêu luôn chập chờn trong hồi ức khi bị thương. - Tính chất anh hùng, tinh thần chiến đấu dũng cảm: + Luôn ý thức phải sống và chiến đấu để trả thù nhà, đền nợ nước xứng đáng với truyền
GV gợi ý, phân tích, bình 1 vài chi tiết	HS lắng nghe	

- Em có kết luận như thế nào về "những đứa con trong gia đình"?	HS thảo luận theo nhóm, đại diện trả lời	thống gia đình. + Can đảm chịu đựng khi bị thương. + Tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu dù đang bị kiệt sức. → 1 con sóng vươn xa nhất trong dòng sông truyền thống, người tiêu biểu cho tinh thần tiến công cách mạng.
- Khái quát những nét cơ bản về ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm?	HS suy nghĩ trả lời	<u>Tiểu kết:</u> Mỗi con người trong gia đình là một khúc sông trong dòng sông truyền thống. Mỗi khúc sông có một đặc điểm riêng nhưng họ vẫn hướng về tô đậm hơn, phát huy hơn truyền thống gia đình gắn chặt trong mỗi tình đất nước thời kháng chiến chống Mỹ
- Đọc xong truyện ngắn, em có ấn tượng với chi tiết nào nhất? Vì sao?	HS chọn, trả lời	3. Ngôn ngữ nghệ thuật: - Xây dựng nhân vật bằng chi tiết cụ thể, làm rõ góc cạnh của cuộc sống, tạo nên không khí chân thực và có linh hồn.
GV bình	HS lắng nghe	+ Chi tiết đắt giá nhất: "Chị em Chiến khiêng bàn thờ má sang gọi nhà chú Năm → tập quán lâu đời gọi sự thiêng liêng, nhân vật trở nên trưởng thành hơn.
*Hoạt động 4: Hướng dẫn học sinh tổng kết	HS lưu ý phân ghi nhớ, đúc kết, ghi chép	- Ngôn ngữ mang đậm chất Nam Bộ. - Phát huy tối đa ngôn ngữ độc thoại nội tâm. → tài năng Nguyễn Thi trong nghệ thuật kể chuyện
		III. Tổng kết, củng cố: - Nghệ thuật trần thuật độc đáo - Truyện phản ánh, ngợi ca tinh thần bất khuất, truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc và đồng bào Nam Bộ

3. Củng cố - Dặn dò:

- Nắm cốt truyện, nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.
- Chuẩn bị bài "**Chiếc thuyền ngoài xa**"

4. Rút kinh nghiệm, bổ sung:

Tiết 69 Tuần 25	TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 5	NS ND
----------------------------------	-----------------------------	------------------------

A - Mục tiêu bài học:Giúp HS:

- Nắm được các ưu, nhược điểm trong bài làm của mình để phân đầu nâng cao năng lực viết văn trong các bài sau.
- Có thể sử dụng thành thạo các kĩ năng làm bài văn trong một thời lượng nhất định ở lớp.

B - Phương pháp tiến hành và tổ chức tiết dạy

Tham khảo hướng dẫn trong tiết Trả bài làm văn số 1 và các tiết trả bài 2, 3,...

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 6
NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

A. Mục tiêu bài học: Giúp HS

- Củng cố và nâng cao kiến thức về các thể loại văn học truyện và kí, cùng các tác phẩm truyện và kí từ Cách mạng tháng tám năm 1945 đến nay.
- Củng cố và nâng cao trình độ làm văn nghị luận về các mặt: nhận thức đề, bố cục, lập luận, diễn đạt và nhất là về cách thức phân tích các tác phẩm truyện và kí.
- Nâng cao khả năng cảm thụ tác phẩm văn học nói chung, các tác phẩm truyện và kí nói riêng.
- Thấy rõ hơn mối quan hệ giữa văn học và đời sống, để từ các hình tượng nhân vật, sự việc chi tiết, lời văn,... trong tác phẩm, HS có cảm xúc và suy nghĩ đúng đắn đẹp đẽ, giúp các em hiểu cuộc đời hơn và sống tốt hơn.

B - Phương pháp và tiến trình tổ chức tiết dạy:

1- Hướng dẫn HS chuẩn bị làm bài

Để làm tốt bước này, GV cần phải:

- Cho HS hiểu rằng làm bài là một cơ hội để các em ôn luyện những kiến thức và kĩ năng cần thiết, không chỉ để nghị luận tốt trường học hôm nay, mà còn để nghị luận tốt trong đời sống và trong công tác mai sau, khi các em vào đời.
- Nêu rõ các yêu cầu cụ thể của bài làm (theo phần Hướng dẫn chung trong SGK, có cụ thể hoá cho thích hợp với điều kiện của từng trường, từng lớp để HS có định hướng khi chuẩn bị.

2- Ra đề:

Tiết 70-71 Tuần 26	CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA <i>(Nguyễn Minh Châu)</i>	NS ND
-------------------------------------	---	------------------------

A. Mục tiêu cần đạt: Giúp hs

- Cảm nhận được suy nghĩ của người nghệ sĩ nhiếp ảnh khi phát hiện ra sự thật : đằng sau bức ảnh rất đẹp về chiếc thuyền trong sương sớm mà anh tình cờ chụp được là số phận đau đớn của người phụ nữ và bao ngang trái trong một gia đình làng chài. Từ đó thấu hiểu : mỗi người trong cõi đời, nhất là người nghệ sĩ, không thể đơn giản, sơ lược khi nhìn nhận cuộc sống và con người.

- Thấy được nghệ thuật kết cấu độc đáo, cách triển khai cốt truyện, khắc họa nhân vật của cây bút viết truyện ngắn có bản lĩnh và tài hoa.

B. Phương tiện thực hiện: SGK, SGV, STK.

C. Phương pháp giảng dạy: Phát vấn, thảo luận, thuyết giảng.

D. Tiến trình giảng dạy:

1. *Ôn định, KTBC:*

2. *Bài mới :*

*** Giới thiệu:**

Nguyễn Minh Châu (NMC) “thuộc trong số những nhà văn mở đường tinh anh và tài năng nhất của văn học ta hiện nay” (Nguyễn Ngọc).

Sự tinh anh, tài năng ấy thể hiện ở quá trình đổi mới tư duy nghệ thuật. Văn học cách mạng trước 1975 thước đo giá trị chủ yếu của nhân cách là sự cống hiến, hy sinh cho cách mạng. Sau 1975 văn chương trở về với đời thường và NMC là một trong những nhà văn đầu tiên của thời kỳ đổi mới đã đi sâu khám phá sự thật đời sống ở bình diện đạo đức, thể sự. Khi làm cho người đọc, ý thức về sự thật, nhìn thẳng vào sự thật, phát hiện nhiều mối quan hệ phức tạp thì văn chương đã ít nhiều đáp ứng nhu cầu nhìn nhận và hoàn thiện nhiều mặt của nhân cách con người.

Truyện CTNX của NMC giúp chúng ta hiểu rõ hơn hướng phát hiện đời sống và con người mới mẻ này.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Hướng dẫn HS đọc TD trước lớp.	- HS đọc, nêu những ý chính về tác giả	<u>I. Tiểu dẫn:</u> 1. Tác giả:

ảnh phát hiện ra cảnh tượng gì và có thái độ như thế nào ? - Nhận xét về những phát hiện của người nghệ sĩ ?		+ Một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi, cam chịu. + Một gã đàn ông thô kệch, dữ dằn, độc ác coi đánh vợ như 1 cách giải tỏa uất ức, đau khổ. - Thái độ : người nghệ sĩ kinh ngạc, bất bình, “không thể chịu được, không thể chịu được” (anh vứt máy ảnh xuống đất chạy nhào tới). => Nghịch lý, mâu thuẫn, đối lập → Cuộc đời vốn chứa đựng nhiều điều phức tạp, đầy mâu thuẫn.
*Hoạt động 3: H.dẫn hs tìm hiểu câu chuyện ở tòa án. Anh (chị) hãy tóm tắt nội dung câu chuyện mà người đàn bà đã tự bạch. - Qua câu chuyện về cuộc đời, người đàn bà em có suy nghĩ, cảm nhận, đánh giá gì ? - Thái độ của người đàn bà trước hiện thực cuộc đời. - Suy nghĩ về người nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng ? (Phùng trước và sau khi gặp người đàn bà)	HS tóm tắt (cần nêu những nét chính) Học sinh trả lời Học sinh tìm chi tiết. Nêu nhận xét, suy nghĩ, đánh giá.	3. Câu chuyện ở tòa án huyện: <i>a. Câu chuyện về người đàn bà làng chài:</i> - Cuộc đời bất hạnh, chứa đầy mâu thuẫn, bi kịch. - Nhân hậu, bao dung, vị tha, đầy cảm thông. - Câu chuyện về người đàn bà làng chài là câu chuyện về sự thật cuộc đời không hề đơn giản. <i>b. Về người nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng và chánh án tòa án huyện Đẩu:</i> * Người nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng: - Vốn là nghệ sĩ, chiến sĩ, nhạy cảm với cái đẹp và ghét áp bức bất công. - Chưa hiểu hết những phức tạp của cuộc đời, của con người: “không thể nào hiểu được, không thể nào hiểu được”, vỡ lẽ nhiều điều, hiểu hơn về con người, cuộc đời. => Thời đại mới đòi hỏi người nghệ sĩ cần có cái nhìn mới đa chiều về cuộc sống, con người. * Người chánh án Đẩu: - Máy móc, định kiến. - Thay đổi cái nhìn, hiểu hơn về con người, cuộc đời “Phải, phải, bây giờ tôi đã hiểu”.
Suy nghĩ về nhân vật chánh án Đẩu ?	Nêu suy nghĩ	
*Hoạt động 4: H.dẫn hs	- Thảo luận	4. Nghệ thuật:

tìm hiểu nghệ thuật tp. -Cách xây dựng cốt truyện của NMC trong tác phẩm nào có gì độc đáo ? - Nêu tóm tắt lại tình huống. - Ý nghĩa của tình huống. - Nhận xét về ngôn ngữ, nghệ thuật của tác phẩm. - Ngôn ngữ người kể chuyện? - Ngôn ngữ nhân vật. *Hoạt động 5: H.dẫn hs tìm hiểu chủ đề. - Tư tưởng chủ đề của tác phẩm là gì ? *Hoạt động 6: H. dẫn hs tổng kết, đánh giá. Đánh giá tổng quát về giá trị tác phẩm ? (GV gợi ý)	- Cử đại diện trình bày. HS nêu nhận xét. Thảo luận nhóm. Cử đại diện trình bày HS viết	* Cách xây dựng cốt truyện độc đáo: - Xây dựng tình huống. - Sự kiện Phùng chứng kiến cách người đàn ông đánh vợ. - Thái độ và phản ứng của chị em Phúc trước sự hung bạo của cha. → Phùng đã thay đổi cách nhìn đời, hiểu hơn về con người. * Ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm. - Ngôn ngữ người kể chuyện: Phùng hóa thân của tác giả tạo ra điểm nhìn trần thuật sắc sảo, khách quan, giàu sức thuyết phục. - Ngôn ngữ nhân vật phù hợp với đặc điểm tính cách từng người. 5. Chủ đề tư tưởng : - Cần có cái nhìn đa chiều, đa diện con người, cuộc sống. Đặc biệt người nghệ sĩ cần đổi mới tư duy nghệ thuật để phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới của đất nước. III. Tổng kết: - Vẽ đẹp ngòi bút NMC là vẽ đẹp toát ra từ tình yêu con người (Khát vọng tìm kiếm, phát hiện vẻ đẹp con người còn tiềm ẩn, khắc khoải lo âu trước cái ác, cái xấu.) - Vẽ đẹp của cốt cách nghệ sĩ đôn hậu, điềm đạm, chiêm nghiệm lẽ đời để rút ra triết lý nhân sinh sâu sắc. - Tác phẩm đặt ra những vấn đề mang tính thời sự nhưng có giá trị mọi thời, mọi người.
---	--	---

3. Củng cố, hướng dẫn học ở nhà:

- Nắm vững nội dung phần đọc - hiểu.
- Tìm hiểu những nhân vật còn lại của tác phẩm.
- Soạn bài : **Thực hành về nghĩa hàm ý**

4. Rút kinh nghiệm, bổ sung

Tiết 72 Tuần 26	THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý	NS ND
----------------------------------	---------------------------	------------------------

A. Mục tiêu bài học :Giúp HS :

- Củng cố nâng cao kiến thức cơ bản về hàm ý, cách tạo hàm ý, tác dụng của hàm ý trong giao tiếp ngôn ngữ

-Có kỹ năng lĩnh hội được hàm ý, kỹ năng nói và viết câu có hàm ý trong những ngữ cảnh cần thiết

B. Phương tiện dạy học:

- SGK, Thiết kế bài học, các tài liệu tham khảo

C. Phương pháp dạy học:

- Tổ chức HS trao đổi, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi trong SGK

D. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định

2. Kiểm tra bài cũ :

3. Bài mới

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động1: Tìm hiểu chung GV gợi ý cho hs nhớ lại khái niệm - Hàm ý là gì?	- Nêu khái niệm	<u>I. Ôn lại kiến thức đã học về hàm ý :</u> *. Khái niệm: - Hàm ý là những nội dung ý nghĩ không nói ra trực tiếp nhưng vẫn có ý định truyền tải đến người nghe. Còn người nghe phải dựa vào nghĩa tường minh và tình huống giao tiếp để hiểu đúng, hiểu hết ý người nói
*Hoạt động 2 : Thực hành -Cho Hs đọc bài tập trong SGK - Phân chia thảo luận nhóm lên bảng trình bày nội dung - <i>Nhóm 1:</i> Đọc bài tập 1 trong SGK - <i>Nhóm 2:</i> Đọc bài tập 2 trong SGK	* Thảo luận nhóm + <i>Nhóm 1 :</i> - Bài tập1 : Câu nói hàm ý của A-Phủ <i>Nhóm cử đại diện trình bày cả lớp góp ý</i> + <i>Nhóm 2 :</i> -Bài tập 2 Câu nói hàm ý của Bá Kiến <i>Nhóm cử đại diện trình bày cả lớp góp ý</i>	<u>II. Thực hành về hàm ý :</u> * Bài tập 1 : - Lời đáp A-Phủ thiếu thông tin về số lượng bò bị mất - Lời đáp đó thừa thông tin về công việc dự định và niềm tin của A Phủ về việc bắt hổ - Cách nói của A Phủ khôn khéo nhằm chuộc tội và làm giảm cơn giận của Bá Tra. Câu trả lời nhiều hàm ý * Bài tập 2: a. Câu nói của Bá kiến “ <i>Tôi không phải là cái kho</i>” Có hàm ý : từ chối cho tiền - Cách nói như thế vi phạm phương châm cách thức nói rõ ràng rành mạch b.Ồ lượt lời thứ nhất và thứ hai của Bá Kiến có những câu dạng câu hỏi, nhưng những câu đó thực hiện hành động nói hướng tới đối tượng

- <i>Nhóm 3:</i> Đọc bài tập 3 trong Sgk - <i>Nhóm 4:</i> Đọc bài tập 1,4 trong Sgk	+ <i>Nhóm 3 :</i> Bài tập 3 - Câu nói hàm ý của bà đồ <i>Nhóm cử đại diện trình bày cả lớp góp ý</i> + <i>Nhóm 4 :</i> Bài tập 1, 4 - Câu nói hàm ý của A-Phủ - Chọn câu trả lời đúng <i>Nhóm cử đại diện trình bày cả lớp góp ý</i>	hay là một hành động chào của kẻ trên. Kiểu giao tiếp như vậy cũng là hàm ý - Lượt lời thứ nhất <i>hàm ý</i> là không muốn cho vì không có nhiều tiền (<i>cái kho-</i> biểu tượng của của cải, tiền bạc) - Lượt lời thứ hai ý nói Chí Phèo là đồ ăn bám c. Ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của Chí Phèo thì Chí không nói hết ý, chỉ bác bỏ hàm ý trong lời Bá Kiến, điều đó là hàm ý và được thể hiện rõ ở lượt lời cuối cùng “ <i>Tao muốn làm người lương thiện</i>” * Bài tập 3: a. Lượt lời thứ nhất bà đồ nói có hình thức hỏi nhưng nhằm gợi ý một cách lựa chọn cho ông đồ Qua lượt lời thứ hai của bà đồ chứng tỏ bà cho rằng ông viết văn kém b. Bà đồ chọn cách nói hàm ý vì lý do tế, nhị lịch sự với chồng * Bài tập 4 : Chọn câu <i>d</i> là câu trả lời đúng
*Hoạt động 3: Cách thức tạo câu có hàm ý -GV hướng dẫn hs tổng kết cách thức tạo câu có hàm ý	- Thảo luận - Trình bày cách cấu tạo câu hàm ý	III. Cách thức tạo câu có hàm ý : Để có một câu hàm ý người ta thường dùng cách nói vi phạm 1(hoặc một số) phương châm hội thoại nào đó: sử dụng các hành động nói gián tiếp, chú ý vi phạm phương châm về lượng, nói thừa hoặc thiếu thông tin mà đề tài yêu cầu, hay vi phạm phương châm quan hệ, đi chệch đề tài giao tiếp, vi phạm phương châm cách thức nói mập mờ vòng vo

4. *Củng cố , dặn dò:* - Hàm ý là gì ?
 - Cách thức tạo câu hàm ý ntn ?
 - Soạn bài đọc thêm “ *Mùa lá rụng trong vườn* ”

Tiết 73 Tuần 27	Đọc thêm MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN (Trích) <i>(Ma Văn Kháng)</i>	NS ND
--------------------	--	----------

A. Mục tiêu bài học: Gợi mở một vài vấn đề cơ bản để HS tự tìm hiểu:

- Những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của nhà văn Ma Văn Kháng, một trong số những cây bút có sức sáng tạo dồi dào trong đời sống văn học hiện nay.

- Tác phẩm “Mùa lá rụng trong vườn”, một trong những tiểu thuyết nổi tiếng của văn học Việt Nam đương đại.

- Những nét lớn về nội dung của trích đoạn. (Về đẹp giản dị, hồn hậu của người phụ nữ Việt Nam, sức mạnh của những giá trị văn hoá truyền thống) và một nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, sinh động.

B. Phương pháp: Kết hợp các phương pháp: nêu vấn đề, bình chú...

C. Tiến trình bài dạy:

1. Kiểm tra bài cũ:

2. Bài mới:

* Giới thiệu: Sau 1975, đất nước ta bước vào một thời kỳ mới, xây dựng và phát triển. Hoàn cảnh xã hội và con người cũng có những thay đổi lớn. Đặc biệt, vào những năm 80, khi đất nước ta chuyển mình từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường, những thay đổi trong tư tưởng và tâm lý con người Việt Nam càng thể hiện rõ nét. Tác phẩm “Mùa lá rụng trong vườn” của nhà văn Ma Văn Kháng là một trong số những tác phẩm phản ánh sâu sắc hiện thực này. Tìm hiểu tác phẩm, chúng ta sẽ rút ra cho mình những bài học có giá trị trong cuộc sống hôm nay.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Hướng dẫn hiểu về tác giả và tác phẩm - Yêu cầu HS tự đọc SGK và rút ra những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhà văn Ma Văn Kháng. *Hoạt động 2: Hướng dẫn đọc thêm - Hướng dẫn xác định vị trí đoạn trích. - GV có thể tóm lược những sự kiện chính ngay trước và sau đoạn trích. *Hình ảnh chị Hoài qua những miêu tả trực tiếp và gián tiếp đã gợi cho em ấn tượng gì? Vì sao mọi người	+ HS đọc SGK, tự tìm hiểu thêm theo gợi ý của GV. - HS dựa vào SGK xác định vị trí đoạn trích. - HS phát biểu ấn tượng về nhân vật chị Hoài và nêu cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật này.	I/ Tiểu dẫn: SGK II/ Đọc và bình chú đoạn trích: 1/ Vị trí đoạn trích: - Trích từ chương 2 của tiểu thuyết. - Ông Bằng và mọi người đang rất buồn vì Cù bỏ xí nghiệp và có tin là đã vượt biên. Ông viết thư cho chị Hoài và chị đã lên thăm gia đình vào buổi chiều tắt niên. 2/ Tìm hiểu: a/ Hình ảnh chị Hoài : - Qua miêu tả trực tiếp (diện mạo, ngôn ngữ) và gián tiếp (trong hồi

trong gia đình lại rất yêu quý chị Hoài? -GV tổng hợp nhanh ý kiến, định hướng những nét cơ bản về nhân vật, điểm sơ lược các chi tiết để thuyết minh. * Em có cảm nhận gì về tâm lý của mọi người, đặc biệt là chị Hoài và ông Bằng trong cảnh gặp gỡ? Theo em cuộc gặp gỡ này ý nghĩa thế nào đối với ông Bằng giữa lúc gia đình đang có nhiều biến động? -(Cần gợi ý thêm về nhân vật Cừ, lá thư của ông Bằng kể về Cừ) -GV điểm lược một số chi tiết chính. * Em có cảm nhận gì về khung cảnh gia đình trong lễ cúng tất niên? Hình ảnh ông Bằng hiện lên như thế nào? * Qua việc tạo dựng không khí này, theo em nhà văn muốn gửi gắm điều gì đến người đọc? *Hoạt động 3: -GV đặt vấn đề gợi mở về những thành công cơ bản về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích để HS tự tìm hiểu. Theo em, đoạn trích trên đã đạt được những thành công cơ bản nào về nội dung, nghệ thuật?	HS tự tìm hiểu các chi tiết theo gợi ý - HS suy nghĩ . (Lưu ý tình cảm yêu thương và tin cậy mà ông Bằng dành cho chị Hoài) -HS tự tìm hiểu các chi tiết theo gợi ý - HS phát biểu cảm nhận về không khí chung và phát hiện điều gửi gắm của tác giả. (Chú ý việc ông không nhắc đến tên Cừ trong lời khẩn trước bàn thờ tổ tiên..) HS lắng nghe – ghi nhớ. HS ghi câu hỏi để tự tìm hiểu.	ức của mọi người), nhà văn đã tạo ra ở người đọc một ấn tượng đầy thiện cảm về một vẻ đẹp giản dị, hồn hậu. - Với tâm hồn nhân hậu và lối sống nghĩa tình, thủy chung, chị đã chinh phục trái tim người khác. - Chị là một hình ảnh đẹp của người phụ nữ Việt Nam. b/ Cuộc gặp gỡ cảm động và lễ đón tất niên ấm cúng: + <i>Cuộc gặp gỡ</i> : -.Cảnh gặp gỡ vừa vui mừng vừa xót thương.Nó xoa dịu niềm cô đơn và tiếp thêm niềm tin cho ông Bằng trong cảnh ngộ gia đình hiện tại. + <i>Lễ cúng tất niên</i>: - Không khí trang nghiêm, lời khấn thành kính, bữa cơm tất niên thơm tất được chuẩn bị chu đáo, sự vui vẻ, hân hoan của mọi người làm nên cái ấm áp của tình cảm gia đình. - Ông Bằng hiện lên như là sự đại diện cho nề nếp, kỷ cương trong gia đình => Tất cả như toát lên một sức sống vững bền của tình cảm gia đình, tình cảm cộng đồng. 3/ Chủ đề: - Đoạn văn đã góp phần thể hiện rõ nét chủ đề của tác phẩm. Đó là sự khẳng định mạnh mẽ sức mạnh của những giá trị tinh thần mà tình cảm gia đình, cộng đồng đã tạo dựng trong mỗi con người.
--	---	---

3. *Củng cố - Dặn dò*: Soạn bài **Một người Hà Nội**

4. *Rút kinh nghiệm, bổ sung*:

Tiết 74 Tuần 27	MỘT NGƯỜI HÀ NỘI (<i>Nguyễn Khải</i>)	NS ND
----------------------------------	---	------------------------

A. Mục tiêu cần đạt:

- HS cảm nhận được vẻ đẹp và chiều sâu văn hoá của người Hà Nội qua hình tượng nhân vật bà Hiền.
- HS nắm được một số nét cơ bản trong nghệ thuật văn xuôi của Nguyễn Khải: cách kể chuyện, giọng văn, chất triết lý...

B. Phương tiện thực hiện:

SGK, SGV, Thiết kế bài giảng

C. Phương pháp:

- Đọc diễn cảm, phát vấn, thảo luận.
- Các hình thức trực quan như xem phim, ảnh tư liệu về Hà Nội

D. Tiến trình lên lớp:

1. Ổn định lớp:

2. Bài cũ:

3. Bài mới: (*Lời giới thiệu vào bài*)

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1 : H. dẫn HS tìm Tiêu dẫn. - Nêu những nét chính về Nguyễn Khải? - Hãy kể tên những tác phẩm tiêu biểu của ông. - Tại sao Nguyễn Khải đặt tên cho tác phẩm là “Một người Hà Nội”? *Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc văn bản, chú thích, tìm hiểu văn bản. - Nhân vật trung tâm của tác phẩm là ai? - Nhân vật này được thể hiện qua cái nhìn của ai?	HS đọc Tiêu dẫn, trả lời. HS nêu tên tác phẩm. - HS trả lời theo cách cảm nhận riêng của mình. HS đọc văn bản và phần chú thích. - HS trả lời.	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả (1930-2008): - Nhà văn được rèn luyện, trưởng thành trong quân ngũ. - Một trong những cây bút hàng đầu của văn xuôi VN từ sau cách mạng tháng 8/1945. - Nhà văn luôn xông xáo, bám sát thời sự, khả năng phát hiện vấn đề, phân tích tâm lý sâu sắc. - Tác phẩm tiêu biểu (SGK) 2. Tác phẩm “Một người Hà Nội”: a) <u>Hoàn cảnh ra đời:</u> - 1960, gắn với công cuộc đổi mới của đất nước, đổi mới của văn học. b) <u>Xuất xứ:</u> - Rút từ tập truyện “Hà Nội trong mắt tôi” (NXB Hà Nội 1995). c) <u>Nhân đề:</u> thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm. - Là sự trình bày cảm nhận, cách nhìn, quan niệm về người Hà Nội của nhà văn. - Định hướng tư tưởng của tác phẩm. II. Đọc - hiểu: 1. Hình tượng nhân vật cô Hiền:

- Giới thiệu vài nét về cô Hiền. - Nếp sống của cô Hiền thể hiện ở những mặt nào? Tìm chi tiết và nhận xét? - Cách dạy con của cô Hiền có gì đáng lưu ý? - Trước những biến động của thời cuộc, nếp sống cô Hiền có thay đổi không? → Vậy cô Hiền là người như thế nào? (GV giảng giải về hoàn cảnh đất nước những năm trước 1955, thời chống Pháp) - Vì sao bà Hiền vẫn ở lại Hà Nội khi nhiều người đã tản cư? Từ đó cho thấy điều gì về nhân vật cô Hiền? (GV diễn giảng về không khí ở Hà Nội sau hòa bình lập lại) - Thái độ của cô Hiền trước niềm vui chiến thắng và cách cư xử của người chung quanh? Qua đó cho thấy cô Hiền là người như thế nào? - Trong hoàn cảnh cả nước ra trận, thái độ của cô Hiền như thế nào khi các con tình nguyện ra chiến trường? Điều đó thể hiện qua những câu nói nào? -Ta phát hiện ra điều gì trong nhân cách cô	- HS trả lời (nhân vật cô Hiền được thể hiện qua sự khám phá của nhân vật “tôi”). - HS trả lời: cách ăn ở, quản lý gia đình... . Chọn bạn trăm năm là một ông giáo tiểu học hiền lành, chăm chỉ... . Nghĩ đến việc nuôi dạy con chu đáo khác cách nghĩ của người cùng thời. - “chúng mày là người Hà Nội...” - HS trả lời (không thay đổi : kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, sau 1975) - HS trả lời (chỉ vì bà không thể rời xa Hà Nội) HS trả lời (không hài lòng trước ngôn ngữ ồn ào, xô bồ; nhận xét “vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều...” - HS trả lời: bằng lòng cho con ra trận, “Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hy sinh	a) <u>Lai lịch</u>: gốc Hà Nội, có nhan sắc, thông minh, gia đình nề nếp, yêu văn chương. b) <u>Nếp sống</u>: - Hôn nhân: Nghiêm túc, thực tế - Sinh con: Có ý thức trách nhiệm. - Quản lý gia đình: Chủ động, tự tin trong vai trò của người mẹ, người vợ. - Dạy con: Chú ý đến “văn hóa của người Hà Nội” - Cách sinh hoạt: không thay đổi trước biến động của thời cuộc. * Cô Hiền là người bản lĩnh, thức thời, khôn ngoan và sắc sảo. c) <u>Cách ứng xử trước thời cuộc</u>: - Trước 1955: Ở lại Hà Nội. ∀ Có tình yêu Hà Nội, gắn bó với Hà Nội. - Sau năm 1955: Nhận ra niềm vui hơi quá mức và có phần thỏa mãn của con người sau chiến thắng. ∀ Trầm tĩnh, từng trải và tinh táo - Trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ: tôn trọng danh dự của con, bằng lòng cho con ra trận.
--	--	---

Hiền? - Qua những gì vừa tìm hiểu, hãy cho biết vì sao tác giả gọi cô Hiền là “một người Hà Nội”? - Theo em người Hà Nội phải có phong thái và cốt cách như thế nào? - Em có nhận xét gì về nhân vật người kể chuyện trong tác phẩm? - Tác phẩm đã có những thành công nào về mặt nghệ thuật? *Hoạt động 3: Hướng dẫn HS luyện tập	của bạn bè...” HS khái quát - Người Hà Nội phải có phong thái, cốt cách: từ lối sống, cách nghĩ, cách nhìn nhận, cách ứng xử đều phải có chuẩn, cái quan trọng là phải luôn giữ gìn văn hóa đất kinh kì. - HS trả lời (điểm nhìn, cách kể, giọng điệu, ngôn ngữ) Nghệ thuật trần thuật, xây dựng nhân vật, cách tổ chức cốt truyện, chi tiết nghệ thuật... - HS chia làm 4 nhóm, 2 nhóm thảo luận 1 câu. 1. Cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn là biểu hiện của văn hóa Hà thành và cũng là biểu tượng của truyện (cây si nghiêng đổ ∀ cây si sống lại...) 2. “Hạt bụi vàng...” là hình ảnh đặt sắc thể hiện sự khái quát nghệ thuật cao... Nói lên phẩm chất phong phú của nhân vật	∀ Là người giàu lòng tự trọng, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng. * Cô Hiền là người luôn có ý thức giữ gìn nền nếp gia phong, truyền thống của đất kinh kì, là một nhân cách sống biết tự trọng. 2. Nhân vật người kể chuyện: - Yêu Hà Nội, hiểu Hà Nội, say mê nét đẹp văn hóa của người Hà Nội. - Có cái nhìn lịch lãm, sâu sắc. - Cách kể chuyện vừa thân tình vừa hóm hỉnh nhưng vẫn khẳng định được giá trị của kinh nghiệm cá nhân. - Giọng kể: Chiêm nghiệm- triết lý. - Ngôn ngữ: vừa giản dị vừa giàu ngụ ý và triết lý. 3. Nghệ thuật: - Nghệ thuật trần thuật: + Đặt một sự việc, một hiện tượng trước nhiều cách đánh giá. + Kể bằng đối thoại, bằng phân tích, bình luận. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Khắc họa tính cách nhân vật qua lời kể và đối thoại. - Chi tiết nghệ thuật đặc sắc: Hình ảnh cây si cổ thụ, hạt bụi vàng... III- Luyện tập: 1. Hình ảnh cây si ở cuối truyện gợi cho em suy nghĩ gì? 2. Vì sao tác giả gọi cô Hiền là “hạt bụi vàng của Hà Nội”?
---	--	---

4. **Củng cố - Dặn dò:** Về nhà, làm bài tập nâng cao vào vở. Soạn bài: "Thực hành về hàm ý"

5. **Rút kinh nghiệm, bổ sung:**

Tiết: 75 Tuần: 27	THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý	N.S: N.D;
----------------------	--------------------	--------------

A . Mục tiêu bài học :Giúp HS :

- Củng cố nâng cao kiến thức cơ bản về hàm ý, cách tạo hàm ý, tác dụng của hàm ý trong giao tiếp ngôn ngữ

-Có kỹ năng lĩnh hội được hàm ý, kỹ năng nói và viết câu có hàm ý trong những ngữ cảnh cần thiết

B. Phương tiện dạy học:

- SGK, Thiết kế bài học, các tài liệu tham khảo

C. Phương pháp dạy học:

- Tổ chức HS trao đổi, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi trong Sgk

D. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định

2. Kiểm tra bài cũ :

3. Bài mới

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Tổ chức cho hs thảo luận theo nhóm để giải quyết các bài tập. *Hoạt động 2: Sau khi hs trả lời, GV sửa chữa, hoàn thiện và củng cố.	HS đọc đoạn trích rồi phân tích theo các câu hỏi.	Bài tập 1 a) Lời bác Phô gái thực hiện hành động van xin, ông lí đã đáp lại bằng một hành động nói mỉa: mỉa mai thói quen nặng về tình cảm yếu đuối, hay thiên vị cá nhân (mà theo ông, việc quan cần phải lí trí, cứng rắn, khách quan,...). Bằng hành động nói mỉa đó, ông lí đã kiên quyết khước từ lời van xin của bác Phô. b) Lời đáp của ông lí, ngoài việc thực hiện gián tiếp nhưng mạnh mẽ hành động khước từ sự van xin, và mỉa mai thói <i>đàn bà</i> của bác Phô gái, còn có hàm ý thể hiện sự tự đắc, và quyền uy của bản thân mình (khác với cách nói tường minh: Không, tôi không cho phép). Như vậy D là phương án trả lời đúng và đủ ý.
	HS đọc đoạn trích và phân tích theo các câu hỏi.	Bài tập 2 a) Câu hỏi đầu tiên của Từ không chỉ hỏi về thời gian mà quan trọng hơn là còn có hàm ý nhắc khéo Hộ đã đến ngày nhận tiền nhuận bút như hàng tháng, Hộ cần đi nhận. Hàm ý đó được Hộ suy ra, nhận biết được ngay và nói rõ lượt trả lời. b) Câu nhắc khéo của từ (lượt lời thứ hai) thực chất có hàm ý là: muốn Hộ đi nhận tiền về để trả nợ tiền thuê nhà (thực hiện gián tiếp thông qua

		hành động thông báo về việc <i>người thu tiền nhà sáng nay đã đến</i>). c) Tại cả hai lượt lời, Từ tránh nói trực tiếp đến vấn đề cơm áo gạo tiền: Từ đã chọn cách nói gián tiếp, có hàm ý, nhằm nhiều mục đích: muốn quan hệ tình cảm vợ chồng được êm ái, tránh nổi bực dọc của Hộ, muốn ứng xử tế nhị với chồng, muốn không phải chịu trách nhiệm về những hàm ý mà người nghe suy ra.
	HS xem lại bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh và nhận định:	Bài tập 3 Lớp nghĩa tường minh của bài thơ là nói về sóng biển, còn hàm ý là nói đến anh yêu đắm thắm của một người con gái. <i>Sóng</i> là một tín hiệu thẩm mỹ, những từ ngữ nói về sóng có lớp nghĩa thứ hai là nói về tình yêu lứa đôi. Hai lớp nghĩa này hoà quyện, phối hợp với nhau trong suốt bài thơ. Tác phẩm văn học dùng cách thể hiện bằng hàm ý thì sẽ nổi bật đặc trưng tính hình tượng, đặc trưng hàm súc, giàu ý nghĩa.
	Qua các bài tập hai tiết thực hành về hàm ý, HS đi đến nhận định:	Bài tập 4 dùng cách nói có hàm ý trong những ngữ cảnh cần thiết mang lại những tác dụng và hiệu quả giao tiếp rất lớn. Tuy nhiên, tùy theo từng ngữ cảnh mà hàm ý có một tác dụng hay một số tác dụng. Chẳng hạn: Có hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc hơn cách nói trực tiếp, tường minh (ví dụ: lời ông lí nói với bác Phở gái, lời Chí Phèo nói với Bá Kiến,...). - Thể hiện được sự tế nhị, khéo léo trong giao tiếp ngôn ngữ, giữ được thể diện của các nhân vật giao tiếp và tính lịch sự trong giao tiếp (ví dụ: lời Từ nói với Hộ, lời bà đồ nói với chồng,...). - Tạo ra những lời nói hàm súc, nói được nhiều hơn những điều mà từ ngữ thể hiện (ví dụ: lời của A Phủ nói với Pá Tra, bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh,...). - Người nói không phải chịu trách nhiệm về hàm ý (ví dụ: lời Từ nói với Hộ,...). Như vậy, phương án D là câu trả lời đúng và đủ ý nhất.
		Bài tập 5 Trong những câu trả lời ở bài tập, chỉ có hai câu trả lời thuộc loại trực tiếp, không dùng hàm ý (<i>Rất thích; Thích nhất trong các truyện ngắn Việt Nam</i>). Còn lại đều là những câu trả lời có hàm ý, dù là ý khẳng định hay phủ định.

4. *Củng cố, dặn dò*: - Hàm ý là gì ?
 - Cách thức tạo câu hàm ý ntn ?
 - Soạn bài đọc thêm “ *Mùa lá rụng trong vườn* ”

Tiết 76-77 Tuần 28	THUỐC (Lỗ Tấn)	NS ND
-------------------------------------	---------------------------------	------------------------

A. Mục tiêu bài học: Giúp HS:

- Hiểu được thuốc là hội chuông cảnh báo sự mê muội đón hèn của người Trung Hoa vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX và cấp thiết phải có một phương thuốc chữa bệnh cho quốc dân: làm cho người dân giác ngộ cách mạng và cách mạng gắn bó với người dân.

- Nắm được cách viết cô đọng, súc tích, giàu hình ảnh mang tính biểu tượng của Lỗ Tấn trong tác phẩm này.

B. Phương tiện dạy học:

- GV: SGK, SGV, STK, thiết kế bài dạy và các hình ảnh, tư liệu về Lỗ Tấn.

C. Phương pháp:

- Phân Tiểu dẫn: thuyết trình kết hợp SGK.

- Phần Văn bản: thuyết trình kết hợp phát vấn theo tiến trình quy nạp.

D. Tiến trình lên lớp

1. *Ôn định*:

2. *Kiểm tra bài cũ*:

3. *Giới thiệu bài mới*:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Yêu cầu cần đạt
*Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần Tác giả- SGK. GV yêu cầu HS đọc SGK và tóm tắt những nét chính về tác giả. GV thuyết giảng thêm vài nét về bối cảnh lịch sử của TH thời ấy. GV nhấn mạnh và chốt lại những nét chính.	HS đọc phần Tiểu dẫn HS đọc và gạch chân ý chính phần Tiểu dẫn. HS trả lời.	A. Tiểu dẫn: 1. Tác giả: (1881-1936) - Tên thật: Chu Thụ Nhân, Lỗ Tấn là bút danh (lấy từ họ mẹ và chữ Tấn hành). - Quê: phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, miền Đông Nam Trung Quốc. - Trước khi trở thành nhà văn, ông đã học nhiều nghề: Hàng hải (mong được đi đây đi đó để mở rộng tầm mắt), khai mỏ (làm giàu cho đất nước), nghề y (chữa bệnh những người nghèo ốm mà không thuốc như bố ông). Cuối cùng ông chuyển sang làm văn nghệ. Ông chủ trương dùng ngòi bút để phanh phui các căn bệnh tinh thần của quốc dân, lưu ý mọi người tìm phương thuốc chạy chữa - Tác phẩm gồm 3 tập truyện ngắn, 16 tập tạp văn, 75 bài thơ,... ⇒ là nhà văn hiện thực xuất sắc Trung Quốc, có tư tưởng yêu nước tiến bộ. Năm 1981, toàn thế giới đã kỉ niệm 100 năm sinh Lỗ Tấn như một danh nhân văn hoá thế

Hãy cho biết hoàn cảnh sáng tác truyện ngắn? *Hoạt động 2: GV hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản. GV thuyết trình về tên truyện và mục đích sáng tác truyện của Lỗ Tấn để HS khắc sâu hơn ý nghĩa nhan đề Thuốc. (lời hết bệnh tật của họ ra, làm cho mọi người chú ý tìm cách chạy chữa) Hỏi: Hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu người mang ý nghĩa như thế nào? Hỏi: Hình tượng người cách mạng Hạ Du hiện lên như thế nào? Qua cuộc bàn luận trong quán trà về Hạ Du, tác giả muốn nói lên điều gì? GV chốt lại vấn đề và chuyển ý.	HS đọc và tóm tắt tác phẩm. HS suy nghĩ các câu hỏi đã soạn ở nhà. HS trả lời HS suy nghĩ, tìm ra những tầng ý nghĩa và trình bày. HS suy nghĩ, trao đổi và trả lời. HS trả lời	giới. b. Hoàn cảnh sáng tác: Được viết vào ngày 25-04-1919 đăng trên tạp chí Tân thanh niên tháng 05-1919, đúng vào ngày bùng nổ phong trào học sinh sinh viên Bắc Kinh, mở đầu cuộc vận động cứu vong (cứu Trung Hoa khỏi diệt vong), thường gọi là Ngũ Tứ. Sau đó in chung trong tập Gào thét, xuất bản năm 1923. B. Đọc hiểu văn bản: I. Đọc- tóm tắt tác phẩm: II. Tìm hiểu văn bản: 1. Hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu người- Ý nghĩa nhan đề truyện Thuốc - Thuốc (chiếc bánh bao tẩm máu người) có nhiều tầng ý nghĩa: + <i>Thuốc chữa bệnh lao</i> của những người dân u mê, lạc hậu. + Đó không phải là thuốc chữa bệnh mà là <i>thuốc độc</i>, mọi người phải giác ngộ ra rằng cái gọi là thuốc chữa bệnh được sùng bái vốn là thuốc độc, phải tìm một thứ thuốc khác. + Đối với cách mạng TQ: Phải tìm một phương thuốc làm cho quần chúng giác ngộ cách mạng và làm cho cách mạng gắn bó với quần chúng. 3. Hình tượng người cách mạng Hạ Du: - là một thanh niên cách mạng sớm giác ngộ, có lí tưởng cách mạng rõ ràng: lật đổ ngai vàng, đánh đuổi ngoại tộc, giành lại độc lập. - dũng cảm, hiên ngang, xả thân vì nghĩa lớn nhưng lại rất cô đơn, không ai hiểu việc anh làm và không ai ủng hộ. + bị mọi người cho là điên, là làm giặc. + mẹ anh ta không hiểu việc làm của con + người dân lấy máu của anh ta để chữa bệnh. → xa rời quần chúng nhân dân của những người làm cách mạng là căn bệnh cần chữa trị. ● Những lời bàn luận của đám đông quần chúng: + dửng dưng, lạnh lùng, vô cảm + mê muội, chưa giác ngộ cách mạng. → căn bệnh cũng cần chữa trị.
--	---	--

GV hướng dẫn HS hiểu ý nghĩa truyện qua câu hỏi 3 phần Hướng dẫn học bài. Hỏi : Hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du có ý nghĩa gì? GV thuyết giảng phần này để HS khắc sâu nghệ thuật viết truyện của Lỗ Tấn. *Hoạt động 3: GV hướng dẫn HS tổng kết. GV cho HS đọc Ghi nhớ. *Hoạt động 4: Hướng dẫn HS giải bài tập. Bài tập 1: GV nêu câu hỏi, gợi ý, yêu cầu HS làm bài tập. Bài tập 2: GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS giải bài tập ở nhà.	HS theo dõi câu hỏi 3 ở phần Hướng dẫn học bài. HS trả lời HS lắng nghe. HS đọc Ghi nhớ HS thực hiện giải bài tập. HS làm bài tập ở nhà.	4. Vòng hoa trên mộ Hạ Du và niềm lạc quan của tác giả: - Câu hỏi của bà mẹ Hạ Du: <i>Thế này là thế nào?</i> → vừa nói lên sự bàng hoàng sửng sốt, vừa ẩn giấu một niềm vui có người hiểu con mình và hàm chứa đòi hỏi phải có một câu trả lời. - Vòng hoa tưởng niệm, bày tỏ sự cảm phục và nỗi buồn người đã khuất. 5. Tính dân tộc và sắc thái mới mẻ của truyện: - sự cô đọng, súc tích truyền thống Trung Hoa: Tả mà không tả, không tả mà tả. - sắc thái mới mẻ của truyện: + tên tác phẩm, một sự chú ý nghệ thuật, một sự lựa chọn thâm thúy của tác giả. Thuốc chứa đựng nhiều lớp ý nghĩa. + kết cấu tác phẩm: dung dị, trầm lắng và sâu sắc. + cốt truyện đơn giản: tìm thuốc, mua thuốc, uống thuốc. + Thời gian có sự vận động: mùa thu sang mùa xuân → lạc quan của tác giả vào tiền đồ cách mạng. + Không gian truyện dung dị, rất hiện thực: trầm lắng, tĩnh lặng, chất chứa nỗi niềm. III. Tổng kết: * Ghi nhớ: (SGK) IV. Luyện tập: Bài tập 1: Gợi ý - Con đường mòn là biểu tượng của tập quán xấu đã trở thành thói quen, trở thành suy nghĩ đương nhiên. - Con đường mòn chia cắt nghĩa địa người chết chém (người phản nghịch, người cách mạng) với nghĩa địa người chết bệnh (nhân dân lao động nghèo khổ) - Cuối truyện, phải qua một thời gian giấc ngộ, hai bà mẹ mới bước qua con đường mòn để đến với nhau. Bài tập 2: HS làm ở nhà.
---	---	--

4. Củng cố, dặn dò:

- Tác giả Lỗ Tấn.
- Nội dung và nghệ thuật văn bản.

Chuẩn bị bài mới: **Rèn luyện kĩ năng mở bài, kết bài trong văn nghị luận.**

5. Rút kinh nghiệm, bổ sung.

Tiết 78 Tuần 28	RÈN LUYỆN KỸ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI TRONG VĂN NGHỊ LUẬN	NS ND
----------------------------------	--	------------------------

A. Mục tiêu bài học: Giúp HS:

- Hiểu một cách đầy đủ về chức năng của mở bài và kết bài trong bài văn nghị luận.
- Nắm vững hơn các kiểu mở bài và kết bài thông dụng trong văn nghị luận.
- Có ý thức vận dụng một cách linh hoạt các kiểu mở bài và kết bài khi viết văn nghị luận.
- Biết nhận diện những lỗi thường mắc khi viết mở bài, kết bài và có ý thức tránh

B. Phương tiện thực hiện: SGK, SGV, thiết kế dạy học.

C. Phương pháp thực hiện: Kết hợp làm việc cá nhân và tổ chức thảo luận theo nhóm để phân tích ngữ liệu, rút ra các kết luận cần thiết của bài học.

D. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ :

3. Bài mới: Lời dẫn của GV: Trong chương trình Ngữ văn THCS, các em đã được tìm hiểu cách viết mở bài và kết bài. Nắm vững nguyên tắc, thuần thục cách viết, chắc chắn chúng ta sẽ thực hiện đúng phần mở bài, kết bài. Tuy nhiên, từ đúng đến hay là một khoảng cách. Vậy, chúng ta cần phải dày công rèn luyện các kĩ năng này.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: - Hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu theo yêu cầu của mục I.1- SGK (chia lớp học thành 4 nhóm để thảo luận) - Yêu cầu đại diện các nhóm lên trình bày ý kiến. GV tóm tắt ý kiến của HS ghi lên phần bảng nháp. - GV đi đến kết luận. - HD HS phân tích ngữ liệu theo yêu cầu của mục I.2- SGK (4 nhóm tiếp tục thảo luận) - Yêu cầu đại diện các nhóm lên trình bày ý kiến. GV tóm tắt ý kiến của HS ghi lên phần bảng nháp.	- 4 nhóm tiến hành thảo luận. - Lần lượt trình bày ý kiến. - Cho ý kiến bổ sung và nghe GV kết luận. - 4 nhóm tiến hành thảo luận. - Lần lượt trình bày ý kiến.	I. Viết phần mở bài: 1. Tìm hiểu ngữ liệu: a. Ngữ liệu 1. - MB (1) chưa đạt yêu cầu. Lí do: nêu những thông tin thừa, không nêu rõ được vấn đề cần trình bày trong bài viết, bắt đầu từ những phạm vi quá rộng so với vấn đề NL. - MB (2) và (3) là những MB phù hợp với yêu cầu của đề bài: đánh dấu bước khởi đầu trong quá trình trình bày vấn đề nghị luận, nêu bật được nội dung cần bàn luận. b. Ngữ liệu 2. - Vấn đề được triển khai: • MB (1): Quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc là quyền phải có của mỗi người và mỗi dân tộc. • MB (2): Khẳng định vị trí của bài thơ <i>Tổng biệt hành</i> của Thâm Tâm: một trong mười bài thơ Đường hay nhất. • MB (3): hướng khai thác riêng của Nam cao trong truyện ngắn <i>Chí Phèo</i> về một đề tài quen

- HD học sinh khác cho ý kiến bổ sung. GV đi đến kết luận. -Theo anh (chị), phần MB cần đáp ứng Y/C gì trong quá trình tạo lập VB?	- Cho ý kiến bổ sung và nghe GV kết luận. - Dựa vào hoạt động tìm hiểu ngữ liệu suy nghĩ trả lời theo tinh thần	thuộc - đề tài nông thôn trong VH HTPP. - Mỗi phần MB có những cách thức khác nhau để nêu vấn đề nghị luận một cách linh hoạt, sinh động, tạo hứng thú cho người tiếp nhận: • MB (1): Nêu vấn đề bằng cách sử dụng 1 số tiền đề sẵn có (dẫn lời của những bản Tuyên ngôn nổi tiếng) có nội dung liên quan trực tiếp đến vấn đề cần trình bày. • MB (2): Nêu vấn đề bằng cách so sánh, đối chiếu đối tượng đang được trình bày trong VB (bài thơ <i>Tổng biệt hành</i> – Thâm Tâm) với một đối tượng khác dựa trên một đặc điểm tương đồng nổi bật (theo quan niệm của người viết) để từ đó nhấn mạnh vào đối tượng cần trình bày. • MB (3): Nêu vấn đề cũng bằng thao tác so sánh, liên tưởng đối tượng cần trình bày với một số đối tượng khác có đặc điểm tương đồng nhưng chủ yếu nhấn mạnh vào sự khác biệt của đối tượng được nêu trong vấn đề đang trình bày, để từ đó gợi hứng thú cho người đọc, giới thiệu được phạm vi vấn đề một cách rõ ràng. 2. Cách viết phần mở bài: ➔ MB không phải là phần nêu tóm tắt toàn bộ nội dung sẽ trình bày trong VB mà điều quan trọng nhất là phải thông báo được một cách ngắn gọn và chính xác về vấn đề nghị luận, gợi cho người đọc hứng thú với vấn đề sẽ trình bày trong VB.
*Hoạt động 2: - HD HS phân tích ngữ liệu theo yêu cầu của mục II.1- SGK (4 nhóm tiếp tục thảo luận) - Yêu cầu đại diện các nhóm lên trình bày ý kiến. -Yêu cầu các thành viên khác cho ý kiến bổ sung, GV chốt, kết luận.	- 4 nhóm tiến hành thảo luận. - Đại diện các nhóm lần lượt trình bày. - Bổ sung ý kiến và nghe GV kết luận.	II. Viết phần kết bài: 1.Tìm hiểu ngữ liệu: a. Ngữ liệu 1. - KB (1) không đạt yêu cầu: + Phạm vi nội dung quá rộng so với YC của đề bài, không chốt lại vấn đề, hoặc tóm tắt lại những nội dung đã trình bày mà không đánh giá, khái quát được ý nghĩa của vấn đề. + Không có những phương tiện liên kết cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa KB với các phần đã trình bày trước đó của VB, không có những yếu tố hình thức đánh dấu việc trình bày VB đã hoàn tất. - KB (2) phù hợp với YC của đề bài: + Nội dung liên quan trực tiếp đến vấn đề đã trình bày trong toàn bộ VB, có những nhận định đánh giá được ý nghĩa của vấn đề, gợi liên tưởng sâu sắc, phong phú. + Có những phương tiện liên kết để củng cố mối quan hệ giữa phần kết và các phần trước của VB,

-Yêu cầu HS làm ở nhà bài 3 và chấm điểm thực hành.	- KB tiếp tục tóm tắt vấn đề đã trình bày, không nêu được nhận định về ý nghĩa của vấn đề, trùng lặp với MB.
---	--

4. *Củng cố; Dặn dò:*

5. *Rút kinh nghiệm, bổ sung:*

Tiết 79-80 Tuần 29	SỐ PHẬN CON NGƯỜI (Trích) <i>(M.Sôlôkhốp)</i>	NS ND
-------------------------------------	---	------------------------

A. Mục tiêu bài học: Giúp HS:

- Hiểu rõ tính cách Nga kiên cường, nhân hậu.
- Nắm được nghệ thuật kể chuyện, khắc họa tính cách & sử dụng chi tiết của Sôlô khốp.
- Suy ngẫm về số phận con người để có thể có sự vươn lên và sự thông cảm

B. Phương tiện dạy học: SGK, SGV, thiết kế bài dạy.

C. Phương pháp: Trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài LT.

D. Tiến trình tổ chức:

1. *Kiểm tra bài cũ:*

2. *Bài mới:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: HD HS tìm hiểu phân tiểu dẫn. - Cho HS đọc SGK, phần TD - HD HS tìm những nét chính về cuộc đời, sự nghiệp của Sô- lô- khốp. - Nêu tầm vóc, vị trí của TP. Vị trí đoạn trích trong TP. -Tóm tắt tp, xác định vị trí đoạn trích	- Một HS đọc, cả lớp theo dõi - Một HS nêu những ý nổi bật về c/đ, sự nghiệp Sô-lô-khốp, các HS khác bổ sung - Một HS phát biểu, các HS khác bổ sung - Dựa vào SGK để tóm tắt, & xác định vị trí đoạn trích	I.Tìm hiểu chung: 1. Tác giả: Sô-lô-khốp (1905 – 1984) là nhà văn lỗi lạc của nước Nga, nổi tiếng thế giới thế kỷ XX, từng đoạt giải Nô-ben về văn học. - Những nét chính về thân thế. - Sự nghiệp. 2.Tác phẩm: <i>Số phận con người</i> in lần đầu ở Liên Xô trên 2 số báo Sự thật ra ngày 31.12.1956 và 1.1.1957. Tác phẩm là 1 thành tựu xuất sắc đánh dấu bước phát triển của văn học Xô viết. Sô-lô-khốp là nhà văn Xô viết đầu tiên dám phản ánh chân thực, không che giấu những mất mát, đau thương của con người sau chiến tranh, nói rõ cái giá đắt của sự chiến thắng. Ông còn khám phá, ngợi ca tính cách Nga của 1 người lính Xô viết bình thường. - Tóm tắt tác phẩm (SGK). 3.Vị trí đoạn trích : Đoạn trích là phần cuối, kết thúc câu chuyện.

***Hoạt động 2:** Hướng dẫn học sinh đọc hiểu đoạn trích

- Cho hs đọc 3 dòng đầu của đoạn trích.

-Yêu cầu hs cho biết những cảm nhận của mình về những nỗi đau mà nhân vật Xô-cô-lốp phải chịu đựng?

- HD HS tìm hiểu số phận nhân vật Va-ni-a.

- HD HS tìm hiểu những éo le trắc trở của người lính trong cuộc sống bình thường sau chiến tranh.

* Từ đó giúp HS rút ra ý nghĩa khái quát

- HD HS tìm hiểu những phẩm chất Nga tốt đẹp ở người lính.

- Một hs đọc 3 dòng đầu của đoạn trích, các hs khác theo dõi

- Mỗi hs phát biểu cảm nhận của riêng mình. Thử so sánh để hiểu nhân vật được sâu sắc hơn

- Dựa vào sgk, tìm những chi tiết miêu tả nỗi đau thương mất mát của Va-ni-a.

- Phát biểu suy nghĩ về công việc của người lính và cảm nhận về câu chuyện đựng con bò.

Khái quát ý nghĩa tiêu biểu của sự miêu tả.

- Phát biểu suy nghĩ về quyết định của Xô-cô-lốp nhận Va-ni-a làm con nuôi mà không hề đắn đo.

- Nói rõ tâm trạng của cả 2 nhân vật sau quyết định đó.

II.Đọc hiểu văn bản:

1.Số phận con người:

- Mất mát tưởng như vượt quá sức chịu đựng của con người mà Xô-cô-lốp đang phải gánh chịu : Người con trai , “ niềm vui sướng và niềm hi vọng cuối cùng ” của anh , đã hy sinh đúng vào ngày chiến thắng .

Vậy là chiến tranh kết thúc, người lính Xô viết trở về với cuộc đời thường trong sự cô độc

→ Xô-cô-lốp rơi vào tâm trạng đau đớn tột cùng

- Và tai họa đâu chỉ giáng xuống gia đình An-đrây Xô-cô-lốp. Thảm cảnh của gia đình bé Va-ni-a cũng không thua kém.

- Sau chiến tranh , anh sống cuộc sống của một người lao động bình thường với tất cả những nỗi eo sèo của nó. Anh lái xe tải để kiếm sống. Câu chuyện đựng phải con bò và bị tước bằng lái của Xô-cô-lốp thêm một lần nữa cho thấy những éo le, trắc trở mà con người phải chịu đựng

Sô-lô-khốp là một nhà văn hiện thực nghiêm khắc. Ông miêu tả cuộc đời đúng như nó hiện có, không tô vẽ, cũng không giảm nhẹ những khó khăn mà con người phải vượt qua.

*** Nhà văn cho thấy những đau thương mất mát của Xô-cô-lốp, Va-ni-a không phải là cá biệt mà khá tiêu biểu cho những gì nhân dân Nga đã phải chịu đựng trong chiến tranh và sau chiến tranh.**

2.Tính cách Nga:

Đoạn trích không chỉ nói lên “số phận con người” mà còn làm nổi bật những phẩm chất tốt đẹp ở họ. Đó là những phẩm chất của người lính Nga Xô-cô-lốp :

- Số phận đau khổ dễ dàng vui dấp, khiến con người có thể bị “chìm ngìm” , rơi vào ngõ cụt . Tuy nhiên, chính tấm lòng nhân hậu đã vực anh đứng dậy. Việc Xô-cô-lốp quyết định ngay lập tức nhận Va-ni-a làm con nuôi đã nói lên điều đó. Quyết định nhân hậu khiến anh nhận được niềm vui thật bất ngờ.

→ Tấm lòng nhân ái đã giúp con người vượt lên nỗi cô đơn , đồng thời xoa dịu nỗi đau của con người .

Xô-cô-lốp tận tình săn sóc Va-ni-a. Tg khéo nhấn mạnh sự vụng về của anh để làm nổi bật tình thương bộc trực, mộc mạc của anh.

- Xô-cô-lốp còn là một người kiên cường

- Cho hs tranh luận về câu trả lời của Xô-cô-lốp khi Va-ni-a hỏi về chiếc áo bành tô da và những câu hỏi khác sau đó - Điểm nhìn của tác giả có trùng khớp với điểm nhìn của nhân vật không ? - Em hãy cho biết suy nghĩ của mình về đoạn trữ tình ngoại đề ở cuối truyện . - Hd tìm hiểu nghệ thuật Hãy tóm tắt những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích . *Hoạt động 3: : Hướng dẫn hs tổng kết - Gọi 1 HS đọc phần ghi nhớ.	HS trả lời câu hỏi : Thử suy nghĩ tình huống nếu Xô-cô-lốp trả lời thành thật câu hỏi của đứa trẻ thì điều gì sẽ xảy ra? Đọc những dòng trữ tình ngoại đề cuối của đoạn trích để thấy được sự trùng khớp giữa điểm nhìn của nhân vật và tác giả, cùng thái độ của nhà văn đối với nhân vật. HS nhắc lại những điểm nghệ thuật làm nổi bật giá trị nội dung - Đọc phần ghi nhớ trong sgk trang 124.	cứng cỏi, anh nuốt thắm giọt lệ, nén chặt nỗi đau, chịu đựng một mình để đứa trẻ có được niềm vui , niềm hạnh phúc . Trước những câu hỏi ngây thơ của đứa bé , anh đã có những lời nói dối đáng trân trọng , vì không muốn làm u ám tâm hồn ngây thơ của đứa bé . Lời tâm sự thành thật của Xô-cô-lốp cũng nói rõ điều đó “Ban ngày bao giờ cũng cố trấn tĩnh được, ko hở ra 1 tiếng thở dài”..., dù “ban đêm thức giấc thì gối đầm nước mắt”. Điểm nhìn của nhân vật và tg hoàn toàn trùng khớp “Cái chính ở đây là phải biết kịp thời quay mặt đi. Cái chính ở đây là đừng làm tổn thương trái tim em bé, đừng để cho em thấy những giọt nước mắt đàn ông hiếm hoi nóng bỏng lăn trên má anh”. Đó là 1 lời nhắc nhở chúng ta phải tổ chức cuộc sống như thế nào để trẻ em được sống sung sướng, hạnh phúc, phải chăm sóc cho bao đứa bé bất hạnh vì chiến tranh. - Đoạn trữ tình ngoại đề ở cuối truyện dự báo vô vàn những khó khăn, trở ngại mà 2 bố con Xô-cô-lốp phải vượt qua trên con đường vươn tới tương lai hạnh phúc. Đoạn văn còn thể hiện lòng khâm phục và tin tưởng của tg ở tính cách Nga kiên cường 3.Nghệ thuật : - Cách kể chuyện : truyện lồng trong truyện → thật - Trữ tình ngoại đề : tạo sự đồng cảm - Khắc hoạ chân dung nhân vật - Chọn lọc các chi tiết III.Tổng kết: 1.Truyện đã góp 1 tiếng nói lên án chiến tranh bạo tàn, bày tỏ sự cảm thông, ngưỡng mộ đ/v con người. 2.Tg còn thể hiện tài nghệ của mình qua cách kể chuyện, tả cảnh, chọn chi tiết, vẽ chân dung, theo dõi tâm trạng nhân vật. Tình cảm của tg không chỉ thể hiện gián tiếp mà còn trực tiếp qua đoạn trữ tình ngoại đề cuối truyện.
--	--	--

4. *Củng cố - dặn dò:* Soạn bài "**Ông già và biển cả**"

5. *Rút kinh nghiệm, bổ sung*

Tiết 81 Tuần 29	TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 6	NS ND
----------------------------------	-----------------------------	------------------------

A - Mục tiêu bài học:Giúp HS:

- Củng cố những kiến thức văn học và kĩ năng làm văn có liên quan đến bài làm.
- Nhận ra được ưu điểm, thiếu sót, nguyên nhân sinh ra các ưu điểm và thiếu sót trong bài làm của mình.
- Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm và khắc phục thiếu sót trong các bài làm sắp tới.

B - Những điểm cần lưu ý:

Ngoài những nội dung đã đề cập đến trong tiết *Trả bài làm văn số 1*, GV còn nên chú ý thêm:

1. Đây đã là bài làm văn số 6 của năm học cuối cùng ở bậc học phổ thông. Chỉ còn một bài kiểm tra tổng hợp cuối năm học nữa là HS sẽ bước vào những kì thi quan trọng nhất trong đời một học trò. Vì thế, GV cần xem xét kĩ lưỡng bài viết của các em, để nhận ra thật đúng những ưu điểm và thiếu sót cơ bản và phổ biến nhất của HS trong lớp; từ đây, xác định được những kiến thức và kĩ năng cần củng cố, những phương hướng rèn luyện cần được vạch ra để các em phấn đấu trong những bài viết tiếp theo.

2. Mặt khác, đây là một tiết trả bài nghị luận về văn học, mà cụ thể là bài bàn luận về tác phẩm truyện (kí). GV cần lưu ý đến những đặc điểm riêng của tiết này, so với tiết trả bài nghị luận xã hội hoặc nghị luận về một ý kiến bàn về văn học, một tác phẩm thơ ca,... để lựa chọn được những nội dung giảng dạy thích hợp và hữu ích. Sau đây là một vài gợi ý:

a) Khi hướng dẫn HS xác định các yêu cầu của bài làm, GV cần luyện cho HS một cách suy nghĩ khoa học, chặt chẽ, để nhận ra đúng và đáp ứng đúng những đòi hỏi của đề bài, tránh hiện tượng HS không quan tâm đến điều người ra đề muốn hỏi mà chỉ lo chép lại một cách máy móc bài giảng của GV.

Mặt khác, GV cũng cần dành thời gian cho HS tìm luận điểm, luận cứ cho bài làm của mình, tránh tình trạng biến bài làm thành một bài đơn thuần kể lại cốt truyện hay cuộc đời nhân vật mà thiếu những ý kiến nhận định, đánh giá, bàn luận của bản thân người viết. GV cũng cần khuyến khích HS đưa ra những ý kiến chân thực của riêng mình, miễn sao các ý kiến đó có cơ sở và phù hợp với yêu cầu của đề bài.

b) Khi hướng dẫn HS triển khai luận điểm, luận cứ, GV cần chỉ dẫn các em trong việc chọn các thao tác lập luận thích hợp và phương hướng kết hợp các thao tác đó với nhau để tăng cường hiệu quả của tiến trình lập luận, qua đó, nâng cao sức mạnh thuyết phục của bài văn.

c) Trong khâu biểu dương các bài làm đạt kết quả tốt, GV không chỉ cần khen ngợi những bài (đoạn) văn được viết chắc chắn, phù hợp với phong cách ngôn ngữ chính luận, mà còn cần khuyến khích HS mạnh dạn, sáng tạo trong việc sử dụng những từ ngữ, câu cú có tính nghệ thuật, để làm cho bài làm có thêm nhiều chất văn học hơn, và do đó, gợi cảm hơn.

Tiết 82-83 Tuần 30	ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ (Trích) <i>(Hê-minh-uê)</i>	NS ND
-------------------------------------	---	------------------------

A. Mục tiêu bài học: Giúp HS

- Cảm nhận được vẻ đẹp không những của lão ngư phủ đơn độc và dững cាំ mà cả vẻ đẹp của nhân vật cá kiểm - kì phùng địch thủ của ông.
- Làm quen với nét độc đáo trong nghệ thuật văn xuôi của Hêminhuê: từ những chi tiết giản dị, chân thực của một cuộc săn bắt cá, gợi mở những tầng ý nghĩa rộng lớn, nhân vật mang ý nghĩa biểu tượng.
- Bài học về lối viết: chống lối viết hoa mỹ mà rỗng tuếch.

B. Phương pháp:

- Gọi mở, phát vấn đàm thoại; phân tích khái quát, tích hợp.

C. Phương tiện: SGK, SGV, bài soạn

D. Tiến trình lên lớp:

1. Ổn định lớp.
2. Kiểm tra bài cũ
3. Bài mới

* Giới thiệu bài: GV có thể chọn cách giới thiệu từ việc liên hệ với đoạn trích “số phận con người” (ở tiết trước). Cho học sinh ấn tượng về hình ảnh con người: giản dị, đời thường nhưng cũng rất anh hùng, phi thường cao cả.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1 Hướng dẫn HS tìm hiểu tiểu dẫn - Cho biết những nét chính về tác giả?	HS tìm hiểu và trả lời các ý chính về tác giả: cuộc đời, sáng tác	I/ Tìm hiểu tác giả - tác phẩm: <u>1/ Tác giả:</u> - Ô-nít Hê-minh-uê (1899-1961) là nhà văn Mỹ được tặng giải Noben văn học 1954. - Từng viết báo, làm phóng viên chiến trường trong chiến tranh thế giới. - Đóng góp lớn trong việc đổi mới lối viết truyện, tiểu thuyết trong nền văn học thế giới. - Các tác phẩm: Mặt trời vẫn mọc (1926) Gĩa từ vũ khí (1929) Chuông nguyện hồn ai (1940) <u>2/ Tác phẩm:</u> * Tóm tắt: SGK + “Ông già và biển cả” tiêu biểu cho nguyên lí sáng tác do nhà văn đề ra. Tác phẩm nghệ
Tóm tắt tác phẩm “ông già và biển cả”	HS dựa vào SGK tóm tắt tác phẩm.	

Diễn giảng thêm về nguyên lí “tảng băng trôi”. *Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản: + GV gọi HS đọc văn bản và nhận xét cách đọc. + Tìm những chi tiết cho thấy cuộc đấu của ông lão (thời điểm, phong độ, tư thế) Hình ảnh những chiếc vòng lượn của con cá gợi lên điều gì? GV chốt lại các ý chính. Cách tiếp xúc của ông lão và con cá kiếm có gì đặc biệt? Nhận xét gì về diễn biến hành động gợi lên diễn biến về cách cảm nhận? Những lời chuyện trò của ông lão với con cá kiếm nói lên điều gì? GV cho HS thảo luận. Rút ra nhận xét. Kết luận: đối thoại, độc	HS đọc văn bản, yêu cầu rõ ràng, đúng ngữ điệu. HS suy nghĩ thảo luận và trả lời. HS thảo luận (trong bàn) trả lời. HS suy nghĩ trả lời. HS thảo luận: rút ra lớp nghĩa ẩn đằng sau lời thoại của ông lão.	thuật như một “tảng băng trôi”. + Vị trí đoạn trích: nằm ở phần cuối truyện. II/ Đọc hiểu văn bản: <u>1/ Cuộc đấu tranh giữa ông lão và con cá kiếm:</u> + Thời điểm: mặt trời mọc lên lần thứ ba + Phong độ: “lão mệt thấu xương- mồ hôi ướt đầm” + Tư thế: đơn độc - Hình ảnh chiếc vòng lượn của con cá kiếm lặp đi lặp lại: + Gợi lên hình ảnh một ngư phủ lành nghề kiên cường: ước lượng khoảng cách + Vẽ lên những cố gắng cuối cùng nhưng mãnh liệt của con cá: kiên cường không kém ông lão. + Ông lão chỉ gián tiếp cảm nhận con cá. 2/ Cảm nhận của ông lão về con cá kiếm: - Từ xa đến gần “đến vòng thứ ba....” ngày càng mãnh liệt và trực tiếp. - Cảm nhận gián tiếp (qua sợi dây qua mũi lao) - Bộ phận → toàn thể: ngày càng lộ dần: nhìn thấy từng bộ phận trước khi nhìn thấy cả con cá. → Diễn biến ngày càng mãnh liệt và đau đớn. 3/ Mối liên hệ giữa ông lão và con cá kiếm: + Thị giác + Xúc giác → Cho thấy sự cảm nhận của ông lão về con cá. + Lời đối thoại: còn cho thấy sự cảm thông: - Không chỉ bằng động tác mà bằng cả trái tim. - Không chỉ đơn thuần là người đi săn và con mồi. → Lời lẽ và ý nghĩ của ông lão đã biến con cá thành “nhân vật”, càng cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của ông lão bằng việc hiểu rõ và chiêm ngưỡng đối thủ của mình. <u>4/ Hình ảnh con cá kiếm và ý nghĩa biểu tượng:</u> a) Vẻ đẹp con cá, thái độ của người đi săn và con mồi hàm chứa ý nghĩa: Con cá là hình ảnh của ước mơ, của lí tưởng mà mỗi con người theo đuổi trong cuộc đời. b) Hình ảnh đẹp đẽ của con cá khi chưa bị chiếm lĩnh (lần xuất hiện cuối cùng) đến khi
--	---	---

thoại là một trong những thủ pháp nghệ thuật chính để xây dựng tác phẩm. Hình ảnh con cá hàm chứa ý nghĩa gì? GV dành thời gian hướng dẫn HS luyện tập theo SGK.	HS thảo luận để phát hiện tầng nghĩa ẩn đằng sau vẻ đẹp của con cá và mối quan hệ của nó với người đi săn. HS trả lời câu hỏi luyện tập ở lớp.	bị kéo vào sát thuyền, có sự khác biệt: đó là sự chuyển biến từ hình ảnh ước mơ sang hiện thực, nó không còn xa vời, khó nắm bắt và vì thế nó không còn đẹp đẽ, huy hoàng như trước. III/ Tổng kết: Ghi nhớ: SGK IV/ Luyện tập: 1/ Nghệ thuật sử dụng ngôn từ trực tiếp của nhân vật, cho thấy mối quan hệ khác thường giữa người đi săn và vật bị săn đuổi. Trước mắt ông lão con cá giống như một con người, một đối thủ đáng nể, một người bạn tâm tình. 2/ Tham khảo tựa đề tiếng Anh và nêu lên suy nghĩ.
---	--	---

4. Củng cố - Dặn dò:

- Nguyên lí “tảng băng trôi” và đóng góp của Hê-minh-uê đối với văn học.
- Soạn bài :**"Diễn đạt trong văn nghị luận"**

5. Rút kinh nghiệm, bổ sung:

Tiết 85-86 Tuần 31	HỒN TRƯỞNG BA, DA HÀNG THỊT (Trích) (Lưu Quang Vũ)	NS ND
-----------------------	---	----------

A. Mục tiêu bài học: Giúp HS:

- Hiểu được bi kịch của con người khi bị đặt vào nghịch cảnh: Phải sống nhờ, sống vay mượn, trái với tự nhiên khiến tâm hồn nhân hậu, thanh cao bị nhiễm độc và bị tha hóa bởi sự lẩn át của thể xác phàm tục..

- Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của người lao động trong cuộc đấu tranh chống lại sự giả tạo và dung tục, bảo vệ quyền được sống đích thực cùng khát vọng hoàn thiện nhân cách.

- Thấy được kịch LQV đặc sắc ở: sự hấp dẫn của kịch bản văn học và nghệ thuật sân khấu; sự kết hợp giữa tính hiện đại với các giá trị truyền thống; sự phê phán mạnh mẽ và chất trữ tình đậm thắm.

B. Phương tiện dạy học: SGK, SGK, TKBH

C. Phương pháp:

- Phân tích mâu thuẫn xung đột qua hành động ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật. HS tập làm diễn viên nhập vai thể hiện nội dung đoạn trích

- Vận dụng phương pháp đàm thoại, phát vấn, diễn giảng giúp HS tiếp cận những thông điệp quan trọng của văn bản

D. Tiến trình thực hiện:

1. Kiểm tra bài cũ

2. Giới thiệu bài mới:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung - Hãy nêu những nét chính về tác giả.. - Em đã được học những vở kịch nào ở chương trình 11? -Yêu cầu HS tóm tắt tác phẩm - Quá trình vận động của một vở kịch ? (thắt nút – phát triển- cao trào- mở nút) - Xác định vị trí đoạn trích? *Hoạt động 2: Hướng	- Đọc tiểu dẫn, <i>dùng bút màu gạch những ý quan trọng</i> -VBCTĐ - Romeo và Juliet -Tóm tắt theo SGK HS vận dụng kiến thức đã học ở lớp dưới để trả lời câu hỏi.	I. Giới thiệu chung: 1/ Tác giả: (1948-1988) SGK - Một tài năng đa dạng: Thơ, văn xuôi, hội họa, kịch - Kịch là đóng góp đặc sắc nhất của LQV - Nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học nghệ thuật VN hiện đại 2/ Tác phẩm: -Thể loại kịch – Từ một truyện cổ dân gian cùng tên LQV đã hư cấu, sáng tạo thành một vở kịch nói hiện đại; đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ có ý nghĩa tư tưởng triết lí và nhân văn sâu sắc - Tóm tắt (SGK) - Đoạn trích : + Cảnh VII và đoạn kết của vở kịch + Phần cao trào- mở nút II- Hướng phân tích

dẫn HS đọc - hiểu văn bản Nêu sơ lược cảnh trước đoạn trích- từ nghịch cảnh đó đã được đẩy tới cao trào bằng các lớp đối thoại giữa:... -Yêu cầu HS đọc phân vai - Kịch tính được thể hiện như thế nào qua màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt? (Hết tiết 1) ----- -Tìm hàm ý mà tác giả muốn gửi gắm qua màn đối thoại đó? - Mâu thuẫn kịch được phát triển như thế nào qua màn đối thoại giữa hồn TB và những người thân?	- HS đọc phân vai - HS nêu ý đối thoại theo nhóm đôi - Suy nghĩ và trả lời - Nêu ý đối thoại - HS trả lời.	1- Màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt: <i>a- Nội dung đối thoại</i> <table><tr><th>Hồn Trương Ba</th><th>Xác hàng thịt:</th></tr><tr><td> - Nghịch cảnh: linh hồn nhân hậu, trong sạch phải trú nhờ trong một thân xác thô phàm - Bị xác thịt thô phàm điều khiển, lẩn át, dần dần bị tha hóa - Ý thức sâu sắc về sự tha hóa; dằn vặt đau khổ, tìm cách thoát khỏi xác thịt để tồn tại độc lập - Khinh bỉ, mắng mỏ lí lẽ ti tiện của xác hàng thịt nhưng rồi ngậm ngùi thấm thía nghịch cảnh của mình và phải nhập vào xác hàng thịt một cách tuyệt vọng </td><td> - Mang sức mạnh âm u đen tối - Khổng chế, ve vãn, kêu gọi hồn Trương Ba thỏa hiệp bằng những lí lẽ ti tiện (SGK 145) - Khẳng định sự thắng thế của mình “ chẳng còn cách nào khác nữa đâu- cả hai đã hòa làm một rồi” </td></tr></table> <i>b- Hàm ý của màn đối thoại:</i> - Trương Ba được trả lại sự sống nhưng đó là một cuộc sống đáng hổ thẹn, vì phải sống chung với sự dung tục và bị sự dung tục đồng hóa - Khi con người phải sống trong dung tục thì tất yếu cái dung tục ấy sẽ ngự trị, thắng thế và sẽ tàn phá những gì trong sạch cao quý của con người 2 – Màn đối thoại giữa hồn TB và những người thân <i>a- Nội dung đối thoại</i> <table><tr><th>Những người thân</th><th>Hồn Trương Ba</th></tr><tr><td> - Vợ : đau khổ, giàu lòng vị tha nhưng quyết định sẽ bỏ đi - Con dâu: thông cảm cho hoàn cảnh trở trêu của bố chồng nhưng không giúp được gì - Cháu Gái : phản ứng dữ dội quyết liệt, </td><td> - Không chỉ bản thân đau khổ mà còn gây đau khổ cho những người ông thương yêu nhất - Nỗi đau khổ tuyệt vọng đã lên đến đỉnh điểm . </td></tr></table>	Hồn Trương Ba	Xác hàng thịt:	- Nghịch cảnh: linh hồn nhân hậu, trong sạch phải trú nhờ trong một thân xác thô phàm - Bị xác thịt thô phàm điều khiển, lẩn át, dần dần bị tha hóa - Ý thức sâu sắc về sự tha hóa; dằn vặt đau khổ, tìm cách thoát khỏi xác thịt để tồn tại độc lập - Khinh bỉ, mắng mỏ lí lẽ ti tiện của xác hàng thịt nhưng rồi ngậm ngùi thấm thía nghịch cảnh của mình và phải nhập vào xác hàng thịt một cách tuyệt vọng	- Mang sức mạnh âm u đen tối - Khổng chế, ve vãn, kêu gọi hồn Trương Ba thỏa hiệp bằng những lí lẽ ti tiện (SGK 145) - Khẳng định sự thắng thế của mình “ chẳng còn cách nào khác nữa đâu- cả hai đã hòa làm một rồi”	Những người thân	Hồn Trương Ba	- Vợ : đau khổ, giàu lòng vị tha nhưng quyết định sẽ bỏ đi - Con dâu: thông cảm cho hoàn cảnh trở trêu của bố chồng nhưng không giúp được gì - Cháu Gái : phản ứng dữ dội quyết liệt,	- Không chỉ bản thân đau khổ mà còn gây đau khổ cho những người ông thương yêu nhất - Nỗi đau khổ tuyệt vọng đã lên đến đỉnh điểm .
Hồn Trương Ba	Xác hàng thịt:									
- Nghịch cảnh: linh hồn nhân hậu, trong sạch phải trú nhờ trong một thân xác thô phàm - Bị xác thịt thô phàm điều khiển, lẩn át, dần dần bị tha hóa - Ý thức sâu sắc về sự tha hóa; dằn vặt đau khổ, tìm cách thoát khỏi xác thịt để tồn tại độc lập - Khinh bỉ, mắng mỏ lí lẽ ti tiện của xác hàng thịt nhưng rồi ngậm ngùi thấm thía nghịch cảnh của mình và phải nhập vào xác hàng thịt một cách tuyệt vọng	- Mang sức mạnh âm u đen tối - Khổng chế, ve vãn, kêu gọi hồn Trương Ba thỏa hiệp bằng những lí lẽ ti tiện (SGK 145) - Khẳng định sự thắng thế của mình “ chẳng còn cách nào khác nữa đâu- cả hai đã hòa làm một rồi”									
Những người thân	Hồn Trương Ba									
- Vợ : đau khổ, giàu lòng vị tha nhưng quyết định sẽ bỏ đi - Con dâu: thông cảm cho hoàn cảnh trở trêu của bố chồng nhưng không giúp được gì - Cháu Gái : phản ứng dữ dội quyết liệt,	- Không chỉ bản thân đau khổ mà còn gây đau khổ cho những người ông thương yêu nhất - Nỗi đau khổ tuyệt vọng đã lên đến đỉnh điểm .									

		không chấp nhận sự tồn tại của TB				
		<u>b- Quyết định của Hồn Trương Ba</u> - Tình huống bi kịch thúc đẩy hồn TB phải lựa chọn với sự phản kháng mãnh liệt “chẳng còn cách nào khác..., Không cần đến cái đời sống do mày mang lại. Không cần “ - Con người phải đấu tranh với nghịch cảnh, với chính bản thân , chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân cách 3- Màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích <u>a- Nội dung đối thoại</u>				
		<table><tr><th>Hồn Trương Ba</th><th>Đế Thích</th></tr><tr><td> - Không chấp nhận kiểu sống “ bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo” muốn được là chính mình một cách trọn vẹn - Chỉ ra sai lầm của Đế Thích “ Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống nhưng sống thế nào thì ông chẳng cần biết” - Kiên quyết từ chối việc nhập vào xác cu Tị, vì đó cũng là một nghịch cảnh khác, cuộc sống đó “ còn khổ hơn cái chết” </td><td> - Ngạc nhiên vì những yêu cầu của Trương Ba -Khuyên TB nên chấp nhận hoàn cảnh vì “ thế giới vốn không toàn vẹn” - Sửa sai bằng cách cho hồn TB nhập vào xác cu Tị nhưng bị từ chối vì TB sẽ trở nên “ bơ vơ, lạc lõng, thảm hại...” - Chấp nhận yêu cầu của TB với thắc mắc : “Con người hạ giới các ông thật kì lạ” </td></tr></table>	Hồn Trương Ba	Đế Thích	- Không chấp nhận kiểu sống “ bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo” muốn được là chính mình một cách trọn vẹn - Chỉ ra sai lầm của Đế Thích “ Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống nhưng sống thế nào thì ông chẳng cần biết” - Kiên quyết từ chối việc nhập vào xác cu Tị, vì đó cũng là một nghịch cảnh khác, cuộc sống đó “ còn khổ hơn cái chết”	- Ngạc nhiên vì những yêu cầu của Trương Ba -Khuyên TB nên chấp nhận hoàn cảnh vì “ thế giới vốn không toàn vẹn” - Sửa sai bằng cách cho hồn TB nhập vào xác cu Tị nhưng bị từ chối vì TB sẽ trở nên “ bơ vơ, lạc lõng, thảm hại...” - Chấp nhận yêu cầu của TB với thắc mắc : “Con người hạ giới các ông thật kì lạ”
Hồn Trương Ba	Đế Thích					
- Không chấp nhận kiểu sống “ bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo” muốn được là chính mình một cách trọn vẹn - Chỉ ra sai lầm của Đế Thích “ Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống nhưng sống thế nào thì ông chẳng cần biết” - Kiên quyết từ chối việc nhập vào xác cu Tị, vì đó cũng là một nghịch cảnh khác, cuộc sống đó “ còn khổ hơn cái chết”	- Ngạc nhiên vì những yêu cầu của Trương Ba -Khuyên TB nên chấp nhận hoàn cảnh vì “ thế giới vốn không toàn vẹn” - Sửa sai bằng cách cho hồn TB nhập vào xác cu Tị nhưng bị từ chối vì TB sẽ trở nên “ bơ vơ, lạc lõng, thảm hại...” - Chấp nhận yêu cầu của TB với thắc mắc : “Con người hạ giới các ông thật kì lạ”					
		<u>b- Quan niệm về sự sống :</u> - Đế Thích : cái nhìn hời hợt, phiến diện về con người - Trương Ba : ý thức sâu sắc về ý nghĩa của sự sống: Sống thực cho ra một con người không phải là điều đơn giản- Hồn và Xác phải hài hòa, không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phạm tục tội lỗi 4- Màn kết : - Trương Ba trả xác cho anh hàng thịt; chấp				
- HS thảo luận và phát biểu	HS - Hồn Trương Ba HS - Đế Thích					
- Những phản ứng của người thân đã đưa hồn TB đến quyết định gì? - Quyết định đó có ý nghĩa gì? - Mâu thuẫn kịch được giải quyết như thế nào qua màn đối thoại giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích?						
- Quan niệm về sự sống của Hồn TB và Đế Thích có gì khác nhau?	- Thảo luận nhóm và cử đại diện trả lời					

- Nhận xét về đoạn kết	- Nêu nhận xét	nhận cái chết để được là chính mình và linh hồn được trong sạch - Hóa thân vào cây cỏ, các sự vật thân thương để tồn tại vĩnh viễn bên cạnh những người thân yêu với niềm tin cuộc sống vẫn tuần hoàn theo quy luật của muôn đời - Bị kịch mang âm hưởng lạc quan; thông điệp về sự chiến thắng của cái Thiện- cái Đẹp- của cuộc sống đích thực
*Hoạt động 3: Hướng dẫn HS tổng kết, luyện tập củng cố bài học - Khái quát chủ đề?	- Nêu chủ đề	III-Tổng kết : 1- Chủ đề : Từ một truyện cổ dân gian LQV đã đưa ra một quan niệm cao đẹp về cách sống : Hãy sống chân thật với chính mình, phải biết đấu tranh với nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý 2- Nghệ thuật : - Xung đột giàu kịch tính - Ngôn ngữ đặc trưng cho ngôn ngữ kịch - Sự kết hợp tính hiện đại với các giá trị truyền thống - Chất thơ, chất trữ tình bay bổng
- Những nét đặc sắc về nghệ thuật? + Xung đột kịch Hồn TB với XHT- với những người thân – Đế Thích và với chính mình + Ngôn ngữ: Vừa chứa đựng mâu thuẫn vừa mang tính hành động, thúc đẩy tình huống truyện phát triển ; thể hiện quan điểm đánh giá của tác giả	- Nêu những nét đặc sắc	

3. Củng cố và Luyện tập:

Củng cố : Học thuộc phần GHI NHỚ

Luyện tập

a- Anh/ chị suy nghĩ gì về quan niệm sống sau đây:

“Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn”.

(Hồn Trương Ba da hàng thịt - Lưu Quang Vũ)

b-Nêu cảm nhận của anh chị về nhân vật Trương Ba

c- Anh chị có đồng ý với đoạn kết của vở kịch không? Giải thích?

4. Rút kinh nghiệm, bổ sung:

Tiết 88-89 Tuần 32	NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC. (Trần Đình Hượu)	NS ND
-------------------------------------	--	------------------------

A.Mục tiêu: Giúp h/s

- Hiểu được những luận điểm chủ yếu và liên hệ thực tế để hiểu rõ những đặc điểm của vốn văn hóa Việt Nam.

- Nâng cao kỹ năng đọc, nắm bắt và xử lý thông tin trong những văn bản khoa học, chính luận

- Giáo dục lòng tự hào, ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong xu thế hội nhập ngày nay.

B.Phương pháp :Đọc sáng tạo, gợi mở, đàm thoại, thảo luận nhóm.

C.Phương tiện: sgk, sgv, thiết kế, thực tiễn...

D.Tiến trình dạy học :

1. Kiểm tra bài cũ:

2. Giới thiệu bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Hướng dẫn h/s tìm hiểu chung về tác giả và đoạn trích.	h/s đọc tiêu dẫn,rút ra những thông tin chính về tác giả và đoạn trích.	I/Tìm hiểu chung 1.Tác giả: - (1926 - 1995), quê: Võ Liệt, Thanh Chương, Nghệ An - Là nhà khoa học chuyên nghiên cứu các vấn đề lịch sử tư tưởng và văn học Việt nam trung cận đại - Các công trình nghiên cứu chính:sgk - Năm 2000 được tặng giải thưởng nhà nước về khoa học và công nghệ 2.Đoạn trích : - Vị trí: thuộc phần II bài về vấn đề đặc sắc văn hóa dân tộc. - Nội dung: những nhận định mang tính bao quát về bản sắc văn hóa Việt Nam. - Thể loại: văn nhật dụng
*Hoạt động 2:Hướng dẫn h/s đọc hiểu văn bản - Em hiểu như thế nào là văn hóa? Những phương diện nào về văn hóa được t/giả đề cập ở vb? - Tổ chức h/s thảo luận nhóm,phát hiện đặc điểm	h/s tìm hiểu theo hướng dẫn h/s đọc đúng yêu cầu 2 h/s đọc văn bản	II/ Đọc-Hiểu văn bản 1.Văn hóa và các phương diện chủ yếu của văn hóaViệt Nam: a.Văn hóa là gì? Theo Từ điển tiếng Việt :Văn hóa là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử (không có trong tự nhiên) như: văn hóa lúa nước, văn hóa công chiêng,văn hóachữ viết ,văn hóa đọc văn hóa ăn (ẩm thực) văn hóa mặc ,văn hóa ứng xử...

nổi bật của văn, những mặt tích cực và hạn chế của nó - gợi ý h/s liên hệ: vn có nhiều tôn giáo, dân tộc chung sống rất hòa hợp không có những xung đột sắc tộc, tôn giáo gay gắt như một số nước khác trên thế giới, không xem cuộc sống trần thế là khổ hạnh... - Từ phân tích ấy, tác giả rút ra bản chất và nguyên nhân tạo nên đặc điểm văn hóa t. Thống - gv giải thích thêm: Vn là đất nước nhỏ yếu, thời Bắc thuộc chỉ là một quận nhỏ của TQ, luôn chịu nạn ngoại xâm, đời sống vật chất cơ bản là nghèo nàn, lạc hậu, khoa học kỹ thuật không phát triển. Điều này tạo nên tâm lý ưa thu hẹp sao cho đủ, ngại giao lưu, trao đổi, vươn xa “thắt lưng buộc bụng” “trâu ta ăn cỏ đồng ta” - em hiểu như thế nào là bản sắc văn hóa dân tộc? - Bản sắc văn hóa VN được tạo nên bởi những yếu tố nào? - gợi ý học sinh liên hệ về sự du nhập của văn hóa phương Đông và phương Tây - tôn giáo : + Phật giáo từ Ấn Độ, TQ: từ bi bác ái phù hợp với lễ sống của người VN (lá lành	h/s thảo luận theo nhóm, cử đại diện nhóm trình bày h/s liên hệ h/s liên hệ	b. Các phương diện chủ yếu của văn hóa Việt Nam. - Tôn giáo, nghệ thuật : kiến trúc hội họa ,văn học - Ứng xử : giao tiếp cộng đồng,tập quán - Sinh hoạt: ăn ,ở, mặc. 2. Đặc điểm của văn hóa Việt nam: Đặc điểm nổi bật: giàu tính nhân bản,tinh tế, hướng tới sự hài hòa trên mọi phương diện (tôn giáo nghệ thuật, ứng xử, sinh hoạt) với tinh thần chung "thiết thực, linh hoạt và dung hòa". Điều này vừa biểu hiện những mặt tích cực vừa tiềm ẩn những mặt hạn chế. a/Mặt tích cực: - Về tôn giáo, nghệ thuật. + <i>Tôn giáo:</i> không say mê cuồng tín không cực đoan mà dung hòa giữa các tôn giáo, coi trọng hiện thế trần tục hơn thế giới bên kia, nhưng không bám lấy hiện thế, không sợ hãi cái chết + <i>Nghệ thuật:</i> tuy không có quy mô lớn, tráng lệ, phi thường nhưng sáng tạo được những tác phẩm tinh tế, chủ yếu là lĩnh vực thơ ca nhiều người biết làm thơ, xã hội trọng văn chương. - Về ứng xử: + Thích sự yên ổn: mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp, yên phận thủ thường, không kỳ thị, không kỳ thị, cực đoan, quý sự hòa đồng hơn sự rạch ròi trắng đen. + Trọng tình nghĩa: chuộng người hiền lành, tình nghĩa, khôn khéo, chuộng sự hợp tình, hợp lý. - Về sinh hoạt: ưa sự chừng mực, vừa phải + <i>Cái đẹp:</i> thích cái xinh, cái khéo, cái thanh nhã “cái đẹp vừa ý là xinh là khéo... chuộng cái dịu dàng, thanh nhã, ghét cái sắc sỡ, quy mô chuộng sự vừa khéo, vừa xinh, vừa khoảng”, + <i>Ăn mặc:</i> thích cái giản dị, thanh đạm, kín đáo, thanh nhã, hòa hợp với thiên nhiên “áo quần, trang sức đều không chuộng sự cầu kì. Tất cả đều hướng vào cái dịu dàng thanh lịch... quý sự kín đáo hơn là sự phô trương” → Tạo nên tính ổn định, nét riêng của văn hóa truyền thống Việt nam: cuộc sống thiết thực, bình ổn, lành mạnh với những vẻ đẹp dịu dàng, thanh lịch, con người sống có tình nghĩa, có văn hóa trên một cái nền nhân bản. b/Mặt hạn chế: - Không có một ngành khoa học, kỹ thuật nào phát triển đến thành truyền thống, âm nhạc, hội họa, kiến trúc đều không phát triển đến tuyệt kỹ, chưa có một ngành văn hóa nào đó trở thành danh dự, thu hút, quy tụ cả nền văn hóa - Đối với cái dị kỳ, cái mới, không dễ hòa hợp nhưng cũng không cực tuyệt đến cùng, chấp nhận
---	--	---

đùm lá rách , thương người như thể thương thân) xuất gia không phải để siêu thoát mà để nhập thế cứu đời + Nho giáo : từ Trung Quốc 'không tiếp nhận ở khía cạnh giáo điều khắc nghiệt mà được người VN tiếp nhận sáng tạo theo hướng tích cực. +Thiên chúa giáo : từ phương Tây với tính độc tôn là chỉ thờ chúa. *liên hệ nghị quyết tư5:xd nền văn minh, hiện đại đậm đà bản sắc dân tộc *Hoạt động 3: Hướng dẫn hs tổng kết.	h/s phát hiện và trả lời h/s tìm hiểu văn bản và trả lời h/s suy nghĩ và liên hệ	những gì vừa phải, phù hợp nhưng cũng chân chừ, dè dặt, giữ mình - Không có khát vọng đề hướng đến những sáng tạo lớn, không đề cao trí tuệ. → Tạo sức ỳ, sự cản trở những bước phát triển mạnh mẽ làm nên tầm vóc lớn lao của các giá trị văn hóa lớn của dân tộc *Bản chất và nguyên nhân: -Bản chất của nền văn hóa truyền thống là nền văn hóa của dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi không có sự kích thích của đô thị - Nguyên nhân :Phải chăng đó là kết quả của ý thức lâu đời về sự nhỏ yếu, về thực tế nhiều khó khăn,nhiều bất trắc. → Cái nhìn sắc sảo, thẳng thắn,phân tích thấu đáo những mặt tích cực và những hạn chế của văn hóa truyền thống, đồng thời rút ra bản chất, nguyên nhân tạo nên những đặc điểm của nền văn hóa truyền thống ,giúp chúng ta có cái nhìn thấu đáo, bao quát về nền văn hóa dân tộc.Từ đó có ý thức phát huy những ưu điểm, khắc phục những hạn chế để tạo tầm vóc lớn cho văn hóa dân tộc 3. Yếu tố tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam: a.Bản sắc văn hóa là gì? Là cái riêng ,cái độc đáo mang tính bền vững và tích cực của một cộng đồng văn hóa.Bản sắc văn hóa dân tộc được hình thành trong lịch sử tồn tại và phát triển lâu đời của một dân tộc. b.Yếu tố tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. +Nội lực: Là cái vốn có của dân tộc, đó là thành quả sáng tạo riêng của cộng đồng văn hóa, cộng đồng dân tộc Việt Nam → Nếu không có thì nền văn hóa sẽ không có nội lực bền vững. + Ngoại lực:Quá trình chiếm lĩnh ,đồng hóa các giá trị văn hóa từ bên ngoài,quá trình tích tụ,tiếp nhận có chọn lọc các giá trị văn hóa của nhân loại. Nếu cứ “ bế quan tỏa cảng” thì không thừa hưởng được những giá trị tinh hoa và tiến bộ của văn hóa nhân loại, không thể phát triển, không thể tỏa rạng được giá trị văn hóa vốn có vào đời sống văn hóa rộng lớn của thế giới. *Sự kết hợp, dung hòa giữa cái vốn có của dân tộc với cái tiếp nhận có sàng lọc văn hóa nước ngoài tạo nên bản sắc riêng độc đáo của con người và dân tộc Việt Nam. Đây chính là nét riêng để phân biệt với các dân tộc, quốc gia khác và là điểm hấp dẫn đối với khách du lịch quốc tế. III. Tổng Kết : - Nội dung : những nhận định bao quát những đặc
---	---	--

Tiết:90 Tuần:32	PHÁT BIỂU TỰ DO	NS: ND:
----------------------------------	------------------------	--------------------------

A - Mục tiêu bài học: Giúp HS

- Có những hiểu biết đầu tiên về phát biểu tự do (khái niệm những điểm giống khác nhau so với phát biểu theo chủ đề).
- Hiểu được một số nguyên tắc và yêu cầu của phát biểu tự do.
- Bước đầu vận dụng được những kiến thức và kỹ năng đó vào công việc phát biểu tự do về một chủ đề mà các em thấy hứng thú và có mong muốn được trao đổi ý kiến với người nghe. . .

B. Phương tiện dạy học: Sách giáo khoa, sách GV và bản thiết kế.

C. Phương pháp dạy học

a) GV phải tạo nên một sự gắn kết hữu cơ giữa kiến thức nhà trường và cuộc sống. Cần phải tìm ra cách thức hữu hiệu để đặt HS trước những tình huống giống với những tình huống vốn có trong đời thật. Có thể mới mong làm cho các em tránh được cảm giác gò bó, không tự nhiên khi phải lựa chọn chủ đề phát biểu, cũng như khi phát biểu một cách thực sự tự do về chủ đề mà mình đã lựa chọn trước người nghe.

b) GV phải cố gắng tìm và tổ chức những hình thức học tập phát huy được tính chủ động, tích cực ở đông đảo HS. Khai thác những vốn sống, vốn hiểu biết mà HS đã có, trải nghiệm, thảo luận, gọi cho HS tưởng tượng, hình dung ra tình huống, để rồi sống như thật trong tình huống mà các em đã tưởng tượng, hình dung đây là những biện pháp sư phạm có thể giúp GV dạy tốt bài học khó khăn này.

D. Tiến trình tổ chức dạy học .

1. Kiểm tra bài cũ

2. Giới thiệu bài mới

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu nêu tại câu hỏi 1 của SGK.	- Thực hiện theo yêu cầu của GV	1. Khái niệm phát biểu tự do + Phát biểu tự do là một dạng phát biểu mà chúng ta vẫn thường gặp trong đời sống; ở đó, người phát biểu có thể hào hứng trình bày ý kiến của mình với người nghe. Và đây là những ý kiến hoàn toàn không theo một chủ đề nào đã được quy định trước. + Sự khác biệt cơ bản giữa phát biểu tự do với các dạng phát biểu khác nằm ngay trong hai chữ <i>tự do</i> . Chỉ được gọi là phát biểu tự do khi người nói tự tìm cho mình chủ đề cũng như nội dung phát biểu. Chủ đề và nội dung ấy, trong phát biểu tự do, rất nhiều khi nảy sinh một cách bất ngờ, ngẫu nhiên, ngoài dự tính.

***Hoạt động 2:** Hướng dẫn HS xem xét ví dụ nêu ở câu hỏi 2 của SGK và trong phần *Đọc thêm* ở cuối bài, rồi trả lời câu hỏi ghi trong đó.

- Thực hiện theo yêu cầu của GV

***Hoạt động 3:**
GV hướng dẫn HS tiếp tục thảo luận câu hỏi ghi trong câu hỏi 3 của SGK

- Thực hiện theo yêu cầu của GV

2. Những nhu cầu thôi thúc con người phát biểu tự do

Nhu cầu được phát biểu tự do của con người luôn luôn sinh ra từ những tình huống trong đời sống. Đó là khi có ai chạm phải, để làm xôn xao lên một kỉ niệm, một nỗi niềm mà lòng người muốn phát biểu vẫn hằng ấp ủ. Có khi đó lại là một điều tâm niệm, một bài học, một trăn trở về đời sống mà một người nào đó, hoặc một điều gì đó vô tình hay cố ý gợi ra. Do đó, phải sống hết mình mới mong tự ra chủ đề và nội dung phát biểu tự do. Và để đạt được thành công trong phát biểu tự do, HS không thể có cách nào khác là chịu tích lũy để làm giàu vốn sống, vốn hiểu biết, với những ý kiến thật và riêng.

3. Những yếu tố giúp bài phát biểu tự do đạt được thành công

- Không thể phát biểu, càng không thể phát biểu tự do về một chủ đề mà người nói không am hiểu, không hứng thú và không hề có nguyện vọng được nói với người nghe. Bởi một lẽ giản đơn: khi đó, người phát biểu sẽ không có ý kiến gì, hoặc không có hào hứng gì để trình bày ý kiến của mình. Càng là phát biểu tự do thì người phát biểu càng cần phải nói những gì mình thật sự hiểu biết và tâm đắc.

- Dù tự do đến đâu thì người phát biểu cũng không được xa đề, lạc đề. Nếu không, người phát biểu sẽ không thể thuyết phục và hấp dẫn người nghe. Cần chú ý điều này, bởi khi phát biểu tự do, người nói thường thiếu thời gian chuẩn bị, do đó, dễ không làm chủ được lời nói của mình. Lời phát biểu tự do, vì thế, luôn tiềm ẩn nguy cơ trở nên dài dòng, lộn xộn, lan man. - Muốn khắc phục nguy cơ đó, người phát biểu tự do không thể không tự rèn luyện để có năng lực tìm ý và sắp xếp nhanh chóng.

- Người phát biểu tự do không được quyền chỉ nghĩ đến mình mà bỏ quên thính giả. Phải làm sao để hứng thú của người nói bắt gặp và cộng hưởng với hứng thú trong lòng người nghe. Mà không người nghe nào hứng thú với những gì đã làm cho họ từ lâu nhàm chán. Do đó, người phát biểu tự do chỉ nên tập trung vào những nội dung có thể làm cho người nghe thấy mới mẻ và truyền được cho họ niềm thích thú.

- Chính vì lẽ đó mà người phát biểu tự do có thể diễn đạt ý kiến của mình thành một số câu đoạn, chứ không bắt buộc phải làm một bài văn hoàn

*Hoạt động 4: GV nên tranh thủ hướng dẫn HS luyện tập theo các gợi ý ghi trong câu hỏi 4 của SGK	- Thực hiện theo yêu cầu của GV	chính. Do vậy, có thể tán thành tất cả những phương án được nêu ra trong câu hỏi 3 của SGK, trừ phương án d. Ghi nhớ: SGK 4. Luyện tập Bài tập 1 Có thể sưu tầm, chẳng hạn, những lời phát biểu tự do ngẫu, nhưng rất có giá trị sau đây của V.I. Lênin về văn hào vĩ đại người Nga L. Tônxtôi, qua lời kể lại của M. Goroki: “Một lần, tôi đến gặp Vladimira ⁽¹⁾ và tôi thấy trên bàn của Người một cuốn sách: <i>Chiến tranh và hoà bình</i>. - Phải rồi, đó là của Tônxtôi, Tôi vừa định đọc các đoạn nói về cuộc đi săn [...]. Thật là một bậc vĩ nhân, phải không? Một con người vĩ đại! Này bạn, đó mới thật là một nghệ sĩ. Và bạn có biết còn điểm nào kì lạ nữa không việc kì lạ là trước thời bá tước ⁽²⁾ này, ta chưa từng thấy, có một người nông phu chính cống nào được đưa vào trong văn chương cả. Rồi, nhìn tôi với cặp mắt lim dim, Người hỏi tôi: - Có thể lấy ai ở Châu Âu đặt ngang hàng với Tônxtôi được nhỉ? Người tự trả lời cho mình: - Không có ai cả. Thế rồi, xoa xoa bàn tay, Người liền cười, sung sướng như một con mèo sưởi nắng. (Theo: C. Mác Ph. Ang-ghen - V.I. Lênin, <i>Về văn học và nghệ thuật</i>, NXB Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 594) Bài tập 2 Tham khảo phần <i>Đọc thêm</i> trong SGK
--	--	---

3. *Củng cố - Dặn dò*: Soạn bài "Phong cách ngôn ngữ hành chính"

4. *Rút kinh nghiệm, bổ sung*:

Tiết:91-92 Tuần:33	PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH	NS: ND:
-------------------------------------	---------------------------------------	--------------------------

A. Mục tiêu bài học : Giúp HS:

- Nắm vững đặc điểm của ngôn ngữ dùng trong các văn bản hành chính để phân biệt với các phong cách ngôn ngữ khác : chính luận, khoa học, nghệ thuật...

- Có kỹ năng hoàn chỉnh văn bản theo mẫu in sẵn của nhà nước hoặc có thể tự soạn thảo những văn bản thông dụng như : đơn từ, biên bản, tờ trình...khi cần thiết.

B.Phương pháp dạy học : Phát vấn, thảo luận kết hợp với thực hành.

C. Phương tiện dạy học : SGK, SGV, tư liệu tham khảo.

D. Tiến trình dạy học :

1. *Ôn định :*

2. *Kiểm tra bài cũ :*

3. *Bài mới :* * Lờ vào bài

Hoạt động của GV	Hoạt động của hs	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Hướng dẫn hs tìm hiểu văn bản hành chính và ngôn ngữ hành chính. + Em có nhận xét gì về mục đích giao tiếp của 3 văn bản trên ? + Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản đó ? + Ngôn ngữ sử dụng trong 3 văn bản có điểm gì nổi bật ? - Hướng dẫn hs tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ hành	-Hs đọc 3 văn bản sgk, cả lớp theo dõi. -Hs trao đổi theo nhóm nhỏ và trình bày các nhận xét trước lớp. Hs trả lời	<u>I. Văn bản hành chính và ngôn ngữ hành chính :</u> 1. Văn bản hành chính : a. <i>Ngữ liệu</i> (sgk) - Văn bản 1 : Nghị định của chính phủ - Văn bản 2 : Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông . - Văn bản 3 : Đơn xin học nghề. b. <i>Nhận xét :</i> - Giống nhau: Tính khuôn mẫu; từ ngữ hành chính; mục đích giao tiếp (đều được sử dụng trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể từ trung ương đến cơ sở như : pháp lệnh, nghị quyết, công văn, đơn từ, văn bằng, hợp đồng, hóa đơn, hiệp định...) - Khác nhau: Nhân vật giao tiếp; mục đích giao tiếp(Mỗi loại văn bản thuộc phạm vi ,quyền hạn khác nhau,đối tượng thực hiện khác nhau). 2. Ngôn ngữ hành chính : a/ <i>Đặc điểm :</i> - Về cách trình bày : đều được soạn thảo theo

chính Theo em trình tự của một đơn xin phép sẽ viết như thế nào ? Em có nhận xét gì về cách trình bày, từ ngữ, ngữ pháp trong đơn ?- Khác với phong cách nghệ thuật ở điểm nào ? - Gv chốt lại ý chính. *Hoạt động 2: Hướng dẫn hs tìm hiểu đặc trưng của ngôn ngữ hành chính. + Phong cách ngôn ngữ hành chính có những đặc trưng nào? + Các đặc trưng đó được thể hiện cụ thể ntn ? - Gv chốt lại ý chính, hs lắng nghe và ghi ý chính * Văn bản hành chính không được tẩy xóa, hay sửa đổi. * Ngôn ngữ hành chính cần có tính khách quan, trung hòa về sắc thái biểu cảm. . *Hoạt động 3 Hướng dẫn hs luyện tập - Gv gợi ý hs từng bài tập 1,2 trong sách gk. - Yêu cầu hs làm bài tập số 3 ở nhà. - Yêu cầu đọc thêm một số bài tập ở sách bài tập Ngữ văn tập 2, trang 67	Hs nêu nhận xét Hs lắng nghe và ghi ý chính Hs dựa vào các văn bản sgk để trả lời các câu hỏi Hs lắng nghe và ghi ý chính. Hs làm bài tập ở sgk Theo hình thức thảo luận nhóm Hs đọc tham khảo : Lệnh của chủ tịch nước về việc công bố luật và Điều 85 luật Giáo dục	một kết cấu thống nhất, thường có ba phần theo một khuôn mẫu nhất định. - Về từ ngữ : có lớp từ ngữ hành chính được dùng với tần số cao. - Về kiểu câu : cấu trúc câu phải chặt chẽ, quan hệ giữa các thành phần trong câu phải được xác định rõ ràng, có một số kiểu câu được tổ chức theo khuôn mẫu, thể hiện tính chất trang nghiêm của công việc hành chính. b/ Khái niệm: ghi nhớ (sgk) <u>II. Đặc trưng của pc ngôn ngữ hành chính</u> <u>chính</u> 1. Tính khuôn mẫu : thể hiện ở kết cấu văn bản thống nhất, thường có ba phần + Phần đầu : quốc hiệu và tiêu ngữ. + Phần chính : nội dung chính của văn bản. + Phần cuối : chức vụ, chữ kí và họ tên của người kí văn bản, dấu của cơ quan. 2. Tính minh xác : thể hiện ở cách dùng từ ngữ- mỗi từ chỉ có một nghĩa, mỗi câu chỉ có một ý, không dùng biện pháp tu từ. 3. Tính công vụ : ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ dùng trong giao tiếp công vụ, mang tính chất chung của cộng đồng hay tập thể, được thể hiện ở nội dung và phương tiện ngôn ngữ * Ghi nhớ : (sgk) <u>III. Luyện tập</u> : 3 bài tập ở (sgk) + Bài 1 : Giấy khai sinh, lí lịch, đơn xin phép, giấy chứng nhận tốt nghiệp... + Bài 2 : - Kết cấu theo khuôn mẫu - Dùng nhiều ngôn ngữ hành chính : quyết định, ban hành, căn cứ, nghị định, quyền hạn, trách nhiệm, quản lí nhà nước, chỉ thị, hiệu lực, hướng dẫn, thi hành.... + Bài 3 : Biên bản có các nội dung : - Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên biên bản - Địa điểm và thời gian họp. - Thành phần cuộc họp, vắng, trễ.. - Nội dung họp: người điều khiển, người phát biểu, nội dung thảo luận, kết luận của cuộc họp...
--	---	--

		- Chủ tọa và thư kí,- kí tên
--	--	------------------------------

4. *Củng cố, dẫn dắt* : - Các đặc trưng cơ của phong cách hành chính.

- Chuẩn bị bài "Văn bản tổng kết"..

5. *Rút kinh nghiệm, bổ sung*:

Tiết:93 Tuần:33	VĂN BẢN TỔNG KẾT	NS: ND:
--------------------	------------------	------------

A. Mục tiêu bài học: Giúp học sinh:

- Hiểu mục đích, yêu cầu, nội dung, và phương pháp thể hiện của văn bản tổng kết thông thường.
- Viết được một văn bản tổng kết có nội dung và yêu cầu đơn giản.

B. Phương tiện dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên và bản tiết kế.

C. Phương pháp dạy học:

Hướng dẫn học sinh tìm hiểu ví dụ, thảo luận, rút ra kiến thức và kỹ năng thực hành.

D. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định
2. Kiểm tra bài cũ.
3. Giới thiệu bài mới:

Sau mỗi một công việc, thường chúng ta phải có tổng kết, đánh giá để rút kinh nghiệm. Vì vậy viết một văn bản tổng kết là việc làm cần thiết. Bài học này sẽ định hướng cho mỗi chúng ta về việc ấy.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Hướng dẫn hs tìm hiểu chung. - Nhấn mạnh vấn đề, mục đích, ý nghĩa của văn bản tổng kết. - Hai loại văn bản tổng kết. *Hoạt động 2: Hướng dẫn hs cách viết VB tổng kết - Trên cơ sở HS tìm hiểu 2 văn bản trong SGK ở nhà, hướng dẫn các em trả lời câu hỏi: - Về câu hỏi a? - Về câu hỏi b Hướng dẫn HS từng	- Đọc mục I SGK - Nêu 2 loại văn bản tổng kết và tìm ví dụ cho mỗi loại. - Dựa vào SGK để trả lời các câu hỏi. - Suy nghĩ trả lời và bổ sung. - Trả lời và bổ sung ý kiến .	I/ Tìm hiểu chung về văn bản tổng kết - Mục đích, ý nghĩa của văn bản tổng kết là nhìn nhận, đánh giá kết quả công việc nhằm rút kinh nghiệm. - Văn bản tổng kết gồm 2 loại: + Tổng kết hoạt động thực tiễn như: văn bản tổng kết năm học; văn bản tổng kết nhiệm kỳ của Đoàn TN... + Tổng kết tri thức như: Tổng kết văn học dân gian Việt Nam; Tổng kết Tiếng Việt ... II/ Cách viết văn bản tổng kết: 1/ Văn bản: “ TK ...với nước” a/ Thuộc loại văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn - Dùng phong cách ngôn ngữ hành chính diễn đạt. b/ Ở văn bản 1: - Đề mục: Báo cáo kết quả hoạt động tình nguyện tại các trung tâm điều dưỡng thương binh, bệnh binh và người có công với nước.

Tiết:94-95 Tuần:34	HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ	NS: ND:
-------------------------------------	--	--------------------------

A. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh :

- Hệ thống hóa được những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ đã học trong chương trình Ngữ văn THPT.
- Nâng cao thêm năng lực giao tiếp bằng Tiếng Việt ở 2 dạng nói và viết và ở 2 quá trình tạo lập và lĩnh hội văn bản.

B. Phương tiện, phương pháp:

- 1/ Phương tiện: SGK, SGV, bảng phụ
- 2/ Phương pháp: phát vấn, gợi mở, thảo luận.

C. Tiến trình tổ chức dạy - học:

1/ Ổn định lớp

2/ Kiểm tra bài cũ: 1 hs

Nêu những đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ hành chính. Hãy kể tên một số loại văn bản hành chính thường liên quan đến công việc học tập trong nhà trường.

3/ Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Nội dung cần đạt
Tiết 1: GV gọi dẫn để hs nhớ lại các vấn đề đã học: VD1: Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng / Tre non đủ lá đan sàng nên chăng? - Hoạt động giao tiếp trên diễn ra giữa các nhân vật giao tiếp nào? - Thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ? Hãy nêu sự khác biệt về ngôn ngữ ở dạng nói và viết. GV dùng bảng phụ hỗ trợ: 1 văn bản ở dạng	Hs căn cứ vào VD để trả lời Hs suy nghĩ trả lời Xác định các quá trình của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ ở VD1 Hs thảo luận nhóm trả lời.	A/ Nội dung cơ bản cần nắm vững: I/ Hoạt động giao tiếp: Các nhân tố và các quá trình của hoạt động giao tiếp: 1/ Hoạt động giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin của con người trong xã hội, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ nhằm thực hiện những mục đích về nhận thức, tình cảm, hành động. 2/ Các quá trình của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ: - Quá trình tạo lập văn bản: do người nói hay người viết thực hiện. - Quá trình lĩnh hội văn bản: do người nghe hay người đọc thực hiện. - Hai quá trình này diễn ra trong quan hệ tương tác với nhau. II/ Dạng nói và dạng viết trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ:

nói và 1 văn bản ở dạng viết. GV cho VD: Câu nói của chị Tí trong tác phẩm Hai đứa trẻ của Thạch Lam: “giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?” + Đặt riêng một mình + Đặt trong tác phẩm: “Đêm tối đối với Liên quen lắm... Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?” Qua VD trên, hs phân tích các nhân tố của ngữ cảnh. GV tạo tình huống giao tiếp trực tiếp trên lớp Tiết 2: Mối quan hệ giữa ngôn ngữ chung của xã hội và lời nói cá nhân của các nhân vật như thế nào? Xác định 2 thành phần nghĩa trong câu nói của Lão Hạc: “bấy giờ cu cậu	Hs phân tích, so sánh, rút ra kết luận. Hs tái hiện lại kiến thức qua VD trên. Hs thảo luận trả lời Hs tham gia tình huống, rút ra kết luận Hs suy nghĩ trả lời Hs phân tích trả lời:	- Trong hoạt động giao tiếp, ngôn ngữ được sử dụng ở 2 dạng nói và viết. - Khác biệt: + Điều kiện tạo lập và lĩnh hội văn bản: Dạng nói: trực tiếp Dạng viết: trực tiếp hoặc gián tiếp + Kênh giao tiếp: Dạng nói: ngôn ngữ nói Dạng viết: chữ viết + Phương tiện phụ trợ: Dạng nói: ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ... Dạng viết: dấu câu, kí hiệu văn tự... + Dùng từ đặt câu và tổ chức văn bản: Dạng nói: từ mang tính khẩu ngữ, câu tỉnh lược... Dạng viết: từ chọn lọc, câu rõ ràng và các thành phần. III/ Ngữ cảnh trong giao tiếp ngôn ngữ: 1/ Ngữ cảnh: là bối cảnh ngôn ngữ, làm cơ sở cho việc sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo văn bản. 2/ Các nhân tố của ngữ cảnh: - Nhân vật giao tiếp: + người nói + người nghe - Bối cảnh giao tiếp: + bối cảnh giao tiếp rộng + bối cảnh giao tiếp hẹp + hiện thực được nói tới - Văn cảnh IV/ Nhân vật giao tiếp: 1/ Các nhân vật giao tiếp đều có khả năng tạo lập và lĩnh hội văn bản. Trong giao tiếp ở dạng nói họ thường đổi vai cho nhau hay luân phiên trả lời với nhau. 2/ Các nhân vật giao tiếp có vị trí thế ngang hàng hoặc cách biệt, xa lạ hay thân tình. Những đặc điểm đó cùng với những đặc điểm riêng biệt khác của từng người (lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp...) luôn chi phối lời nói của họ về nội dung lẫn hình thức ngôn ngữ. V/ Ngôn ngữ chung của xã hội và lời nói cá nhân của nhân vật trong giao tiếp: Ngôn ngữ là tài sản chung, là phương tiện giao tiếp chung của cả cộng đồng xã hội, lời nói cá nhân là sản phẩm được cá nhân tạo ra trên cơ sở vận dụng các yếu tố ngôn ngữ chung và tuân thủ các quy tắc chung. VI/ Hai thành phần nghĩa của câu trong hoạt động giao tiếp:
--	---	---

mới biết là cu cậu chết”. Khi giao tiếp, nhân vật giao tiếp cần làm gì để giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt? GV cho hs đọc đoạn trích, chú ý cách đọc GV hướng dẫn hs lần lượt giải các bài tập.	- Nghĩa sự việc: con chó biết việc nó bị hại - Nghĩa tình thái: sự xót thương của Lão Hạc. Hs suy nghĩ trả lời Hs đọc diễn cảm đoạn trích trong SGK Hs dựa vào phần yêu cầu trong SGK để làm bài	- Nghĩa sự việc: ứng với sự việc mà câu đề cập đến. - Nghĩa tình thái: thể hiện thái độ, tình cảm, sự nhìn nhận, đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc người nghe. VII/ Vấn đề giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt khi giao tiếp: Trong giao tiếp, các nhân vật giao tiếp cần có ý thức, kĩ năng, thói quen giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt: nắm vững các chuẩn mực ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực, vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngôn ngữ theo quy tắc chung. Ngoài ra cần phải đề cao phẩm chất văn hóa, lịch sự trong giao tiếp ngôn ngữ, tránh những biểu hiện thô tục làm vẩn đục ngôn ngữ. B/ Luyện tập: 1/ Bài 1: Đoạn trích có 2 nhân vật giao tiếp là Lão Hạc và “tôi” - Hai người lần lượt đóng vai người nói, người nghe và chuyển đổi vai cho nhau. - Ngôn ngữ nói của 2 nhân vật thể hiện qua nhiều phương diện: + nói phối hợp với cử chỉ, điệu bộ (cười như mèo, mặt lão đột nhiên co rúm lại...) + dùng nhiều thuật ngữ thuộc ngôn ngữ nói: đi đời rồi, khốn nạn, có biết gì đâu... + các lượt trả lời của các nhân vật kế tiếp nhau. 2/ Bài 2: Hai nhân vật giao tiếp là những người láng giềng nên có quan hệ thân cận. Về tuổi tác thì Lão Hạc ở vị thế trên, về nghề nghiệp và thành phần xã hội theo quan niệm lúc đó thì ông giáo có vị thế cao hơn. -> Hai người luôn nể trọng nhau Ngay ở lượt đầu tiên, Lão Hạc đã thể hiện sự kính trọng nhưng thân tình đối với người nghe qua lời gọi và cách xưng hô: ông giáo ạ, và sự thân mật khi thông tin về một sự việc đời thường trong cuộc sống: bán con chó.
---	---	--

4/ Củng cố - Dặn dò:

- Học bài: hệ thống hóa lại các kiến thức đã học
- Làm BT 3, 4 SGK
- Bài mới: Ôn tập phần Làm văn
 - + Các kiểu văn bản đã học
 - + Cách viết các kiểu văn bản nói chung (đặc biệt là văn bản nghị luận).

5. Rút kinh nghiệm, bổ sung.

Tiết:96 Tuần:34	ÔN TẬP LÀM VĂN	NS: ND:
--------------------	----------------	------------

A. Mục tiêu bài học: Giúp HS:

- Hệ thống hóa tri thức về cách viết các kiểu văn bản được học ở THPT.
- Viết được các kiểu văn bản đã học, đặc biệt là văn bản nghị luận.

B. Phương pháp dạy học:

- Hướng dẫn HS chuẩn bị trước nội dung bài học .Tổ chức cho HS thảo luận.

C. Phương tiện dạy học:

SGK ngữ văn 12, 10 và 11;SGV.

D. Tiến trình tổ chức dạy-học:

1. *Ôn định lớp:*

2. *Kiểm tra bài cũ:*

3. *Bài mới:*

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung bài dạy
*Hoạt động 1: GV kiểm tra phần chuẩn bị bài của HS. *Hoạt động 2: GV thu bài. *Hoạt động 3: tổ chức cho HS ôn tập các tri thức chung. -GV đánh giá và nhấn mạnh một số tri thức cơ bản. -GV gọi một vài HS để kiểm tra các đơn vị kiến thức nhỏ theo câu hỏi	-Các nhóm chuẩn bị. -Đại diện nhóm 1 trình bày các kiểu văn bản và khái niệm theo hình thức sơ đồ hóa -Đại diện nhóm 2 trình bày. -HS trả lời các câu hỏi. -HS trình bày vấn đề dưới sự gợi nhắc của GV.	I.Kiểm tra: II. Giới thiệu bài: III. Nội dung ôn tập: 1. Ôn tập các tri thức chung: a.Các kiểu văn bản: Văn bản tự sự, Văn bản thuyết minh, Văn bản nghị luận, Văn bản báo chí... b.cách viết văn bản: -Nắm vững đặc điểm kiểu loại văn bản và mục đích, yêu cầu cụ thể của văn bản. -Hình thành và sắp xếp thành dàn ý cho văn bản. -Viết văn bản theo dàn ý. 2. Ôn tập tri thức văn nghị luận: a. Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường: -Đề tài có thể chia thành 2 nhóm:

phần ôn tập. -các đề bài, đặc điểm chung và khác biệt. -GV dựa vào hệ thống câu hỏi ôn tập gợi nhắc HS kiến thức cũ. -GV yêu cầu đại diện nhóm 3 trình bày. *Hoạt động 4: Luyện tập -GV gọi HS đọc đề văn và hướng dẫn HS làm bài tập. -Trên cơ sở tìm hiểu đề, GV chia lớp thành 2 nhóm tiến hành lập dàn ý cho một đề bài. -GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày. Hoạt động 5: Hướng dẫn HS học bài ở nhà.Hướng	-HS kể tên các thao tác lập luận. -Đại diện nhóm 3 trình bày. -HS đọc đề văn ở SGK. -Các nhóm tiến hành thảo luận, lập dàn ý cho một đề bài. -cử đại diện nhóm trình bày.	+Nghị luận xã hội: một tư tưởng đạo lí, một hiện tượng đời sống. +Nghị luận văn học: ý kiến bàn về văn học, một tác phẩm, một đoạn trích. -Nhận xét: +Đặc điểm chung:Đều trình bày tư tưởng, quan điểm về vấn đề nghị luận, đều sử dụng các bước nghị luận. + Điểm khác biệt: NLXH: Cần có vốn hiểu biết xã hội phong phú. NLVH: Cần có kiến thức văn học,khả năng cảm thụ. <u>b.Lập luận trong văn nghị luận:</u> -Cấu tạo của lập luận gồm luận điểm, luận cứ và các phương tiện liên kết lập luận. -Cách xác định luận cứ: +lí lẽ phải có cơ sở, chân lí phải được thừa nhận. +phù hợp với luận điểm. +dẫn chứng phải chính xác, tiêu biểu, phù hợp. -Các thao tác lập luận cơ bản:giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích, so sánh, bác bỏ. <u>c.Bố cục của bài văn nghị luận:</u> gồm mở bài, thân bài, kết bài thống nhất, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. <u>d.Diễn đạt trong văn nghị luận:</u> -Cần diễn đạt thuyết phục cả lí trí và tình cảm,phải dùng từ, viết câu chính xác. -Giọng văn trang trọng, nghiêm túc.Cần thay đổi giọng điệucho thích hợp với nội dung cụ thể : sôi nổi, mạnh mẽ hay trầm lắng. -Sử dụng biện pháp tu từ và câu một cách hợp lí. <u>IV.Luyện tập:</u> <u>1.Đề văn ở SGK</u> <u>2.Yêu cầu luyện tập:</u> <u>a.Tìm hiểu đề:</u> -Kiểu bài: NLXH (Đề 1), NLVH (Đề 2). -Thao tác lập luận: Đề 1: thao tác bình luận. Đề 2: thao tác phân tích. -Các luận điểm cơ bản dự kiến: Đề 1: cần khẳng định câu nói của Xôcrat với người khách và giải thích tại sao ông ta nói như vậy. Sau đó rút ra bài học và bình luận. Đề 2: Chọn đoạn thơ. Căn cứ vào nội dung tư tưởng và hình thức
--	--	---

dẫn những nội dung còn lại của bài luyện tập.		nghệ thuật của đoạn để chọn luận điểm. b. Lập dàn ý:
---	--	---

4. *Củng cố - Dặn dò*: Soạn bài Giá trị văn học và tiếp nhận văn học
5. *Rút kinh nghiệm, bổ sung*:

Tiết:97-98 Tuần:35	GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC	NS: ND:
-------------------------------------	---	--------------------------

A. Mục tiêu cần đạt:- Giúp HS:

- Cảm nhận được những giá trị cơ bản của văn học.
- Nắm vững những nét bản chất của hoạt động tiếp nhận văn học.

B. Phương tiện dạy học SGK, SGV, Sách thiết kế bài dạy

C. Phương pháp dạy học Nêu vấn đề. Phát vấn - Diễn giảng

D. Tiến trình lên lớp

- 1- Ổn định lớp.
- 2 - Kiểm tra bài cũ.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Tổ chức HS tìm hiểu các giá trị văn học. Giá trị của VH được hiểu như thế nào ?	HS đọc nội dung 1 - SGK Nêu khái niệm	<u>I. Giá trị văn học</u> * <i>Giá trị văn học là gì ?</i> GTVH là sản phẩm kết tinh từ quá trình sáng tạo văn học của nhà văn, đáp ứng nhu cầu khác nhau của đời sống con người, tác động sâu sắc

Trình bày yếu tố hình thành giá trị nhận thức? Cơ sở nào hình thành nên giá trị nhận thức ? VH mang lại cho người đọc những nhận thức gì? Cho Vd minh họa. Do đâu VH có giá trị giáo dục ? Giá trị giáo dục của VH có gì khác với các hình thái ý thức khác ? Cơ sở giá trị thẩm mỹ của văn học của gì ? Mỗi luận điểm cho Vd cụ thể.	HS đọc SGK Phát hiện luận điểm và trả lời câu hỏi. HS cho thêm ví dụ. HS trả lời HS đọc SGK, rút ra luận điểm HS trả lời Cho Vd HS đọc phần 3 - SGK Rút ra các luận điểm Cho Vd từng luận điểm.	đến cuộc sống và con người. 1. Giá trị nhận thức: * <i>Cơ sở:</i> - Là quá trình khám phá, lí giải hiện thực để chuyển hóa thành nội dung tác phẩm của nhà văn. - Do sự giới hạn tồn tại trong không gian, thời gian, quan hệ xã hội của người đọc. * <i>Nội dung:</i> - Hiểu được cuộc sống hiện thực phong phú. - Hiểu được bản chất của con người. - Hiểu bản thân mình hơn. 2. Giá trị giáo dục: * <i>Cơ sở:</i> + K/quan: Nhu cầu hướng thiện. Con người luôn khao khát một cuộc sống tốt lành, chan hòa tình yêu thương giữa người với người (cho Vd). + Chủ quan: Do thái độ tư tưởng, tình cảm của nhà văn (cho Vd). * <i>Nội dung:</i> - Giúp con người rèn luyện bản thân mình ngày một tốt đẹp hơn. - Có thái độ và lẽ sống đúng đắn. (Ví dụ). * <i>Đặc trưng của giá trị giáo dục của văn học:</i> VH giáo dục con người bằng con đường từ cảm xúc đến nhận thức bằng cái thật, cái đúng, cái đẹp của những hình tượng sinh động. 3. Giá trị thẩm mỹ: * <i>Cơ sở:</i> - Con người luôn có nhu cầu cảm thụ và thưởng thức cái đẹp - Nhà văn bằng tài năng đã thể hiện cái đẹp của cuộc sống, của con người vào trong tác phẩm của mình giúp người đọc cảm nhận, rung động. * <i>Nội dung:</i> - Văn học mang đến cho con người vẻ đẹp muôn màu của cuộc đời (vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, con người...) - Miêu tả, thể hiện cái đẹp của con người từ ngoại hình đến thế giới nội tâm phong phú tinh tế bên trong.
---	---	--

*Hoạt động 2: GV yêu cầu HS đọc phần 1 SGK để phát hiện những ý sau: - Vai trò của TNVH - K/niệm về TNVH. - P/biệt đọc - TNVH	HS trả lời	- Cái đẹp trong văn học không chỉ thể hiện ở nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật tác phẩm : kết cấu, ngôn từ chặt chẽ, mới mẻ, độc đáo. => Cả 3 giá trị văn học đều có mối quan hệ mật thiết. II. Tiếp nhận văn học: 1. Tiếp nhận trong đời sống văn học : a. Vai trò của tiếp nhận trong đời sống VH Mối quan hệ qua lại : Sáng tạo - Truyền bá - Tiếp nhận. => TNVH là một khâu quan trọng quyết định giá trị và sự tồn tại của TNVH. b. Khái niệm TNVH: TNVH là hoạt động tích cực của cảm giác, tâm lý người đọc biến văn bản thành thế giới nghệ thuật trong tâm trí mình.
GV yêu cầu HS đọc phần 2 SGK để phát hiện tính chất giao tiếp của TNVH	HS trả lời	2. Tính chất tiếp nhận văn học: TNVH là một quá trình giao tiếp giữa tác giả và người đọc. Trong quá trình giao tiếp cần chú ý các tính chất sau : a. Tính chất cá thể hóa, tính chủ động tích cực của người tiếp nhận. b. Tính đa dạng không thống nhất trong tiếp nhận văn học. * Lưu ý: Dù có cách hiểu khác nhau nhưng cần đạt đến cách hiểu đúng với tác phẩm để trở về đúng với giá trị đích thực của nó.
- Khái quát về việc TNVH	HS trả lời	3. Các cấp độ tiếp nhận văn học a. Có 3 cấp độ TNVH: - Cấp độ thứ nhất : Tập trung vào nội dung cụ thể, nội dung trực tiếp của tác phẩm. → Cách tiếp nhận VH đơn giản nhất nhưng phổ biến. - Cấp độ thứ hai : Qua nội dung tác phẩm để thấy được nội dung tư tưởng của tác phẩm. - Cấp độ thứ ba : Cảm thụ chú ý đến cả nội dung và hình thức để thấy được giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.
Có mấy cấp độ TNVH GV cho Vd cụ thể → diễn giảng	HS đọc mục 3 HS trả lời	b. Để tiếp nhận văn học có hiệu quả thực sự, người tiếp nhận cần:
Làm thế nào để tiếp nhận VH có hiệu quả thực sự ?	Cho HS đọc thầm chốt lại các ý chính để trả lời	

GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản	Cho Vd cụ thể HS đọc phần ghi nhớ SGK * Hoạt động 3: GV hướng dẫn, gợi ý để HS về nhà hoàn thành các bài luyện tập.	- Nâng cao trình độ - Tích lũy kinh nghiệm - Trân trọng tác phẩm, tìm cách hiểu tác phẩm một cách khách quan, toàn vẹn. - Tiếp nhận một cách chủ động tích cực, sáng tạo, hướng tới cái hay, cái đẹp, cái đúng. - Không nên suy diễn tùy tiện. * GHI NHỚ : SGK III. Luyện tập: - BT1 - BT2 - BT3
---	--	---

3. *Củng cố - Dặn dò:* Chuẩn bị bài " Tổng kết tiếng Việt "

4. *Rút kinh nghiệm, bổ sung*

Tiết:99 Tuần:35	TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT : LỊCH SỬ, ĐẶC ĐIỂM LOẠI HÌNH VÀ CÁC PHONG CÁCH NGÔN NGỮ	NS: ND:
----------------------------------	--	--------------------------

A. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh

- Hệ thống hoá những kiến thức cơ bản đã học từ lớp 10 đến lớp 12 về lịch sử, đặc điểm loại hình của tiếng Việt và các phong cách ngôn ngữ.
- Rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt phù hợp với những đặc điểm loại hình và từng phong cách ngôn ngữ.

B. Phương pháp , phương tiện:

1. Phương tiện:

- + Giáo viên dặn dò học sinh xem lại những bài học liên quan ở cả 3 khối lớp 10,11,12.
- + Giáo viên chuẩn bị bảng phụ (trong điều kiện dạy học bình thường.)

2. Phương pháp :

- + Qua việc hướng dẫn giải các bài tập, giúp học sinh hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng tiếng Việt đã học.
- + Dùng bảng tổng kết có đối chiếu so sánh, thực hành luyện tập.
- + Thảo luận nhóm, phát huy trí lực học sinh.

C. Tiến trình lên lớp :

1. Ổn định, điểm danh
2. Bài cũ :
3. Bài mới : - Giới thiệu bài mới

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
*Hoạt động 1: Giúp học sinh điểm lại những kiến thức trọng tâm của phần tổng kết: - Giáo viên đặt câu hỏi: Em hãy nêu những nội dung kiến thức đã học liên quan đến bài ôn tập này? - GV chốt lại ba mảng kiến thức trong bài cần hệ thống. *Hoạt động 2:Hướng dẫn học sinh làm 5 bài tập. - Yêu cầu học sinh kẻ bảng vào vở, nhớ lại kiến thức hai bài” Khái quát lịch sử tiếng Việt” và “Đặc điểm loại hình của tiếng Việt”. - Phát vấn, chốt ý chính ghi bảng những nội dung để giúp học sinh giải bài tập 1 - GV phân 6 nhóm học sinh mỗi nhóm tìm hiểu một PCNN ứng với 6 PCNN - GV hướng dẫn thảo luận - GV chốt ý và treo bảng phụ (bảng hệ thống kiến thức về thể loại văn bản tiêu biểu và các đặc trưng cơ bản cho từng PCNN) - Gọi 2 học sinh đọc hai đoạn	Học sinh trả lời Học sinh trả lời , hệ thống lại kiến thức . Thực hiện yêu cầu ở bài tập 1 Học sinh thảo luận nhóm - đại diện nhóm trả lời Góp ý của nhóm khác. Học sinh đối chiếu với phần làm bài của mình để bổ sung Học sinh thực hiện	I. Nội dung ôn tập: 1. Lịch sử tiếng Việt: Nguồn gốc, quan hệ họ hàng , quá trình phát triển. 2. Đặc điểm loại hình của tiếng Việt. 3. Các phong cách ngôn ngữ: PCNN sinh hoạt, PCNN nghệ thuật, PCNN báo chí , PCNN chính luận, PCNN khoa học, PCNN hành chính. II. Bài tập: <u>Bài tập1:</u> 1. <u>Nguồn gốc và lịch sử phát triển của tiếng Việt:</u> a. <u>Về nguồn gốc, tiếng Việt thuộc:</u> - Họ ngôn ngữ Nam Á - Dòng ngôn ngữ Môn- Khmer - Nhánh ngôn ngữ Việt- Mường. b. <u>Các thời kỳ trong lịch sử:</u> - Thời kỳ dựng nước - Thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc. - Thời kỳ độc lập tự chủ. - Thời kỳ Pháp thuộc - Thời kỳ từ sau cách mạng tháng 8 năm 1945. 2. <u>Đặc điểm loại hình của tiếng Việt:</u> Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập với các đặc điểm nổi bật: a. Đơn vị cơ sở của ngữ pháp là tiếng b. Từ không biến đổi hình thái. c. Ý nghĩa ngữ pháp được biểu thị bằng trật tự từ và hư từ. <u>Bài tập2 + bài tập3:</u> 1. Thể loại văn bản tiêu biểu cho từng phong cách ngôn ngữ 2. Đặc trưng cơ bản của từng PCNN <u>Bài tập 4:</u> So sánh hai văn bản:

văn bản. - Kể bảng so sánh, phát vấn theo nội dung về mục đích văn bản, loại PCNN, đặc điểm ngôn ngữ để học sinh đối chiếu. - Chốt ý ghi lên bảng so sánh	Học sinh trả lời theo câu hỏi của giáo viên Học sinh làm bài tập vào vở	<table><tr><th>Văn bản a</th><th>Văn bản b</th></tr><tr><td> - Mục đích: Giải thích nghĩa của từ mặt trăng qua đó cung cấp kiến thức về mặt trăng. - Là văn bản thuộc PCNN khoa học một mục từ trong từ điển. - Không mang tính hình tượng, tính biểu cảm và tính cá thể, thiên về tính lý trí, khái quát, logic - Chỉ có một lớp nghĩa: nói về mặt trăng. </td><td> - Mục đích: Tạo dựng hình tượng giăng biểu tượng cho cái đẹp thơ mộng mà con người khát khao vươn tới. - Là văn bản thuộc PCNN nghệ thuật, thể loại truyện ngắn (đoạn miêu tả) - Nổi bật tính hình tượng, tính truyền cảm và tính cá thể hoá. - Có hai lớp nghĩa nói về giăng và nói về cái đẹp mơ mộng mà con người luôn khát khao. </td></tr></table>	Văn bản a	Văn bản b	- Mục đích: Giải thích nghĩa của từ mặt trăng qua đó cung cấp kiến thức về mặt trăng. - Là văn bản thuộc PCNN khoa học một mục từ trong từ điển. - Không mang tính hình tượng, tính biểu cảm và tính cá thể, thiên về tính lý trí, khái quát, logic - Chỉ có một lớp nghĩa: nói về mặt trăng.	- Mục đích: Tạo dựng hình tượng giăng biểu tượng cho cái đẹp thơ mộng mà con người khát khao vươn tới. - Là văn bản thuộc PCNN nghệ thuật, thể loại truyện ngắn (đoạn miêu tả) - Nổi bật tính hình tượng, tính truyền cảm và tính cá thể hoá. - Có hai lớp nghĩa nói về giăng và nói về cái đẹp mơ mộng mà con người luôn khát khao.
Văn bản a	Văn bản b					
- Mục đích: Giải thích nghĩa của từ mặt trăng qua đó cung cấp kiến thức về mặt trăng. - Là văn bản thuộc PCNN khoa học một mục từ trong từ điển. - Không mang tính hình tượng, tính biểu cảm và tính cá thể, thiên về tính lý trí, khái quát, logic - Chỉ có một lớp nghĩa: nói về mặt trăng.	- Mục đích: Tạo dựng hình tượng giăng biểu tượng cho cái đẹp thơ mộng mà con người khát khao vươn tới. - Là văn bản thuộc PCNN nghệ thuật, thể loại truyện ngắn (đoạn miêu tả) - Nổi bật tính hình tượng, tính truyền cảm và tính cá thể hoá. - Có hai lớp nghĩa nói về giăng và nói về cái đẹp mơ mộng mà con người luôn khát khao.					
- Gọi một học sinh đọc văn bản, yêu cầu học sinh xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản, đặc điểm về từ ngữ câu văn, kết cấu của văn bản. -Hướng dẫn học sinh về nhà viết tin ngắn theo PCNN báo chí.	Học sinh thực hiện Học sinh về nhà thực hành viết tin ngắn theo yêu cầu của bài tập 5	<u>Bài tập 5:</u> 1. Văn bản thuộc PCNN hành chính: Một quyết định 2. Văn bản được cấu tạo theo khuôn mẫu chung của văn bản hành chính, dùng nhiều từ ngữ hành chính, mang tính khách quan, trung hoà về sắc thái cảm xúc, câu văn ngắt dòng thể hiện rõ từng ý. 3.Bài tập về nhà: Viết tin ngắn đưa tin về sự kiện ban hành văn bản trên.				

4. *Củng cố - Dặn dò:* Điềm lại ba phần kiến thức đã ôn tập, hệ thống

- Xem lại những bài tập đã làm để bổ sung nâng cao
- Thực hành viết mẫu tin ngắn ở bài tập 5
- Soạn bài "Ôn tập phần văn học"

5. *Rút kinh nghiệm, bổ sung:*

Tiết:100-101-102 Tuần:36	ÔN TẬP VĂN HỌC	NS: ND:
-----------------------------	----------------	------------

A. Mục tiêu cần đạt: Giúp học sinh

- Tổng kết, ôn tập một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về VHVN(truyện và kịch từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỷ XX) và văn học nước ngoài đã học trong SGK Ngữ văn 12, tập 2.
- Biết vận dụng linh hoạt và sáng tạo những kiến thức đó.
- Rèn năng lực phân tích văn học theo từng cấp độ: tác phẩm, hình tượng, ngôn ngữ văn học.

B. Phương tiện thực hiện: sgk, sgv, thiết kế bài học.

C. Cách thức tiến hành: Giáo viên tiến hành tổ chức giờ học theo các phương pháp gợi tìm, trao đổi, thảo luận.

D. Tiến trình bài dạy:

1. *Ôn định:* Kiểm tra sĩ số
2. *Bài cũ :* Kiểm tra trong quá trình ôn tập.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung cần đạt
------------------	------------------	------------------

Hoạt động 1: Gv hướng dẫn hs ôn tập truyện ngắn và tiểu thuyết. - Hệ thống lại những tác phẩm thuộc thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết đã học. - Phân tích và so sánh tư tưởng nhân đạo trong truyện ngắn <i>vợ nhặt</i> và <i>vợ chồng A Phủ</i>? - Nhắc lại những đặc điểm cơ bản của VHVN từ Cách mạng tháng Tám đến 1975? - So sánh <i>rừng xà nu</i> và <i>những đứa con trong gia đình</i> để làm nổi bật đặc điểm đó? - Tình huống truyện là gì? Có những loại tình huống nào? - Tình huống truyện chiếc thuyền ngoài xa có gì đặc biệt?	Hsinh hệ thống ghi rõ tên tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh ra đời và sắp xếp theo trật tự thời gian. Hsinh phân tích. Hsinh nhắc lại. Hsinh thảo luận để so sánh. Hsinh trả lời.	I. Truyện ngắn và tiểu thuyết. 1. Các tác phẩm: <i>Vợ chồng A Phủ</i> (Tô Hoài), <i>Vợ nhặt</i>(Kim Lân), <i>rừng xà nu</i>(Nguyễn Trung Thành), <i>Những đứa con trong gia đình</i>(Nguyễn Thi), <i>chiếc thuyền ngoài xa</i>(Nguyễn Minh Châu)... và các tác phẩm đọc thêm. 2. Tư tưởng nhân đạo <table><tr><th><i>Vợ chồng A Phủ</i></th><th><i>Vợ nhặt</i></th></tr><tr><td colspan="2"> Điều viết về số phận và cảnh ngộ của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám năm 1945</td></tr><tr><td>*Khác nhau: những nét riêng về tư tưởng nhân đạo</td><td></td></tr><tr><td>-Nỗi khổ nhục của cô My, con dâu gạt nợ của nhà thống lí Pá Tra. - Ở lâu trong cái khổ, Mị dường như mất đời sống ý thức, tê liệt về đời sống tinh thần. Thế nhưng, từ trong tâm hồn Mị vẫn tiềm tàng một sức sống mãnh liệt. Sự gặp gỡ giữa Mị và A Phủ đã tự giải thoát cuộc đời mình.</td><td>-Thân phận nghèo hèn của mẹ con Tráng. - Tình cảnh thê thảm của người nông dân trong nạn đói khủng khiếp 1945,</td></tr></table> 3. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng. <table><tr><th><i>Rừng xà nu</i></th><th><i>Những đứa con trong gia đình</i></th></tr><tr><td>-Ý thức cộng đồng. - Lòng căm thù giặc sôi sục và tinh thần bất khuất, sức mạnh vùng lên quật khởi, sự nối tiếp cách mạng từ thế hệ này đến thế hệ khác.</td><td>- Bắt nguồn từ thù nhà gắn với nợ nước, sự hoà hợp giữa truyền thống gia đình với truyền thống của quê hương và cách mạng=> đánh giặc để trả thù nhà, đền nợ nước là bổn phận, là lẽ sống.</td></tr></table> 4.Truyện <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> - Là tình huống nhận nhận thức. - Các tình tiết, chi tiết trong truyện: người đàn ông, người đàn bà, cậu bé Phác.....đều dẫn đến sự	<i>Vợ chồng A Phủ</i>	<i>Vợ nhặt</i>	* Điều viết về số phận và cảnh ngộ của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám năm 1945		*Khác nhau: những nét riêng về tư tưởng nhân đạo		-Nỗi khổ nhục của cô My, con dâu gạt nợ của nhà thống lí Pá Tra. - Ở lâu trong cái khổ, Mị dường như mất đời sống ý thức, tê liệt về đời sống tinh thần. Thế nhưng, từ trong tâm hồn Mị vẫn tiềm tàng một sức sống mãnh liệt. Sự gặp gỡ giữa Mị và A Phủ đã tự giải thoát cuộc đời mình.	-Thân phận nghèo hèn của mẹ con Tráng. - Tình cảnh thê thảm của người nông dân trong nạn đói khủng khiếp 1945,	<i>Rừng xà nu</i>	<i>Những đứa con trong gia đình</i>	-Ý thức cộng đồng. - Lòng căm thù giặc sôi sục và tinh thần bất khuất, sức mạnh vùng lên quật khởi, sự nối tiếp cách mạng từ thế hệ này đến thế hệ khác.	- Bắt nguồn từ thù nhà gắn với nợ nước, sự hoà hợp giữa truyền thống gia đình với truyền thống của quê hương và cách mạng=> đánh giặc để trả thù nhà, đền nợ nước là bổn phận, là lẽ sống.
<i>Vợ chồng A Phủ</i>	<i>Vợ nhặt</i>													
* Điều viết về số phận và cảnh ngộ của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám năm 1945														
*Khác nhau: những nét riêng về tư tưởng nhân đạo														
-Nỗi khổ nhục của cô My, con dâu gạt nợ của nhà thống lí Pá Tra. - Ở lâu trong cái khổ, Mị dường như mất đời sống ý thức, tê liệt về đời sống tinh thần. Thế nhưng, từ trong tâm hồn Mị vẫn tiềm tàng một sức sống mãnh liệt. Sự gặp gỡ giữa Mị và A Phủ đã tự giải thoát cuộc đời mình.	-Thân phận nghèo hèn của mẹ con Tráng. - Tình cảnh thê thảm của người nông dân trong nạn đói khủng khiếp 1945,													
<i>Rừng xà nu</i>	<i>Những đứa con trong gia đình</i>													
-Ý thức cộng đồng. - Lòng căm thù giặc sôi sục và tinh thần bất khuất, sức mạnh vùng lên quật khởi, sự nối tiếp cách mạng từ thế hệ này đến thế hệ khác.	- Bắt nguồn từ thù nhà gắn với nợ nước, sự hoà hợp giữa truyền thống gia đình với truyền thống của quê hương và cách mạng=> đánh giặc để trả thù nhà, đền nợ nước là bổn phận, là lẽ sống.													

